

Đ VV
54683



NHỮNG ANH HÙNG ĐẤT ĐỒNG NAI

Tập II



NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

Chỉ đạo nội dung:

THƯỜNG VỤ ĐẢNG ĐOÀN
HỘI CỰU CHIẾN BINH
TỈNH ĐỒNG NAI

Tổ chức thực hiện:

- TRẦN ĐÌNH THÀNH
- NGUYỄN THANH TÙNG
- HUỲNH VĂN TỚI
- CAO ĐÌNH THANH
- NGUYỄN VĂN CHƯỞNG

Tư liệu và tuyển chọn:

HOÀNG VĂN BỒN, NGUYỄN ĐỨC THỌ, NGUYỄN QUỐC HOÀN, NGUYỄN QUANG MINH, TRẦN QUANG TOẠI, LÊ VĂN THIÊN, PHAN THỊ HOÀNG ANH

Người ghi:

TRỌNG PHỦ, BÙI THUẬN, NGUYỄN QUỐC HOÀN, LÊ BIÊN HÙNG, XUÂN BẢO, ANH HOÀNG, LÊ BÁ ƯỚC, TIÊU THANH GIANG, ĐÀM CHU VĂN, MINH YÊN, LÂM YÊN

LỜI GIỚI THIỆU

Chúng ta có vinh dự là được sống trong một thời đại anh hùng. Vòng hồng của thời đại ấy bắt đầu từ năm 1911 khi người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành lên con tàu *Latútso Torêvinlo* trên bến Nhà Rồng (Sài Gòn) ra đi tìm đường cứu nước. Chìm trong đau thương, tủi nhục của kiếp nô lệ đọa đày, dân tộc Việt Nam đã vụt ngẩng cao đầu đứng dậy dưới lá cờ đỏ vinh quang do Đảng dẫn đường, đem sức mình giải phóng cho mình; giành tự do, độc lập. Thời đại ấy chói ngời với những chiến công “Lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”¹ đánh thắng hai đế quốc to là Pháp và Mỹ - những tên hung nô của thời đại, tạo nên huyền thoại, dấu ấn chói ngời của thế kỷ XX. Thời đại ấy đang được tiếp tục với những kỳ tích bước đầu của công cuộc Đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo, từ trong đói nghèo lạc hậu, đầy mình thương tích của cuộc chiến tranh giải phóng và bảo vệ Tổ quốc, từ trong vực sâu của khủng hoảng kinh tế đã vươn mình đứng dậy giữ yên bờ cõi, giữ yên nội bộ, đem cái ăn, cái mặc, cuộc sống vật chất, tinh thần ngày một no đủ đến mỗi gia đình, xây dựng nên những công trình công nghiệp hiện đại, tạo nền tảng, tiền đề vững chắc để toàn dân tộc bước vào thế kỷ mới, thiên niên kỷ mới với thế và lực mới, tiếp tục đáng đứng Việt Nam anh hùng trên trường quốc tế.

Bác Hồ nói : Chúng ta tự hào vì có Đảng anh hùng, nhân dân anh hùng, dân tộc anh hùng. Thời đại sản sinh ra anh hùng. Và chính những anh hùng kiệt xuất đã tạo ra thời thế, mở ra thời đại mới. Bác Hồ của chúng ta - Người là Anh hùng giải phóng dân tộc, anh hùng mở ra thời đại mới. Tiếp nối truyền thống anh hùng của dân tộc từ Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Ngô Quyền, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung... noi theo gương Bác Hồ vĩ đại lớp lớp người dân Việt Nam đã cầm gươm, cầm súng, mang cả tâm vông vạt nhọn đứng dậy chống kẻ thù xâm lược, người trước ngã người sau tiến và nhiều người đã trở thành anh hùng, cùng hàng nghìn, hàng vạn anh hùng vô danh khác trong lịch sử. Sự tích anh hùng của họ là niềm tự hào, là tấm gương trong và là bài học sáng ngời chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho các thế hệ sau noi theo, học tập.

Đồng Nai là một trong những mảnh đất anh hùng của miền Nam anh hùng bất khuất đi trước về sau. Trong các cuộc kháng chiến chống xâm lược và hơn hai mươi năm xây dựng, bảo vệ Tổ quốc vừa qua, tỉnh Đồng Nai đã vinh dự có hơn 30 Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động trong danh sách Anh hùng của cả nước và hàng vạn anh hùng vô danh khác. Các anh hùng tuy hoàn cảnh xuất thân, thành tích khác nhau nhưng đều có chung phẩm chất cao đẹp đó là có giác ngộ lý tưởng cộng sản sâu sắc tận trung với Đảng, tận hiếu với dân dũng cảm gan dạ trong chiến đấu, cần cù sáng tạo trong lao động, không sợ hy sinh, không nề gian khổ, có ý chí mãnh liệt có quyết tâm cao vượt qua mọi gian nan thử thách, lập nên những chiến công oanh liệt trong chiến, những thành tích xuất sắc trong lao động, được tập thể tin yêu và quý trọng. Trong chiến đấu lao động sáng tạo cũng như trong cuộc sống đời thường, các anh hùng đều là những con

¹ Thơ Tố Hữu

người bình thường giản dị, chất phác, yêu thương gia đình, người thân, có trách nhiệm với xã hội, đoàn kết gắn bó với đồng chí đồng đội.

Cuộc chiến tranh đã lùi vào quá khứ mấy chục năm qua nhưng những tấm gương, phẩm chất cao đẹp của các anh hùng thời đại Hồ Chí Minh vẫn luôn là hành trang quý giá, tỏa sáng vào công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hôm nay.

*Hội Cựu chiến binh tỉnh Đồng Nai kết hợp với một số cơ quan đã làm được một công việc hết sức có ý nghĩa. Viết về gương những người anh hùng chính là góp phần gìn giữ những tài sản tinh thần vô giá của dân tộc, góp phần giáo dục truyền thống anh hùng bất khuất, truyền thống yêu nước và cách mạng cho thế hệ trẻ hôm nay và mai sau. Tập I của bộ sách “**Những Anh hùng đất Đồng Nai**” có nhiều đóng góp rất biểu dương. Tập II tiếp tục giới thiệu các gương cá nhân Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động của tỉnh. Tin rằng những kỳ tích phi thường, những phẩm chất cao đẹp của những người anh hùng sẽ được thế hệ trẻ và mọi người noi theo, làm nảy nở thêm nhiều anh hùng của thời kỳ mới, lập nên nhiều sự tích phi thường trong công cuộc tiến quân vào công nghiệp hóa hiện đại hóa xây dựng và bảo vệ đất nước không kém phần gian nan quyết liệt hiện nay. Những Anh hùng sẽ không bao giờ vắng bóng trên Tổ quốc, cũng như trên đất Đồng Nai thân yêu của chúng ta.*

**DƯƠNG THANH TÂN
THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
TRƯỞNG BAN TUYÊN GIÁO
TỈNH ĐỒNG NAI**

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng và Đại hội đại biểu lần thứ VII của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai; chào đón sự kiện quân và dân tỉnh Đồng Nai được Nhà nước tặng danh hiệu cao quý Đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Hội Cựu chiến binh tỉnh Đồng Nai đã phối hợp cùng một số cơ quan chức năng trong tỉnh tổ chức thực hiện, cho ra mắt bạn đọc Tập I bộ sách “*Những Anh hùng đất Đồng Nai*” tháng 12 năm 2000.

Tiếp theo Tập I, Tập II gồm 11 truyện ký viết về chín Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân và hai Anh hùng Lao động. Đó là Nguyễn Văn Huệ, một trong những người diệt Mỹ đầu tiên ở chiến trường miền Nam; Trần Văn Danh, vị tướng "mưu lược trong chiến tranh, lòng danh trong xây dựng"; Nguyễn Thanh Tùng, Tống Việt Dương, Trịnh Xuân Thiều, những cán bộ đặc công đã làm nên những chiến công vang dội ở Tách-ních, Tổng kho Long Bình, sân bay Biên Hòa, Rạch Dừa, Nước Trong, cảng Phnôm-pênh... Nguyễn Quyết Chiến, một xã đội trưởng du kích đã lập nhiều chiến công như một chiến sĩ biệt động tài ba; Lê Duy Chín, một tiểu đoàn trưởng công binh, đã ra quân là chiến thắng. Nguyễn Văn Trung, người chiến sĩ trên mặt trận thâm lặng, suốt 23 năm sống, làm việc với địch mà vẫn giữ được bí mật, an toàn, lập nhiều chiến công xuất sắc; Nguyễn Thị Ngời, có bảy người con, nhưng luôn là người có ngày công cao nhất ở Nông trường Hàng Gòn, sản lượng luôn vượt định mức từ 15 đến 80 phần trăm, với chất lượng mủ cao su tốt nhất; Phạm Văn Cán, bất chấp mọi hiểm nguy, xông xáo giữa chiến trường dày đặc bom đạn dùng xe kéo dất, cứu nạn hàng trăm lượt xe tăng, thiết giáp, ô tô ra khỏi nơi nguy hiểm; Nguyễn Trọng Tâm, một trong những người chỉ huy phá nhà tù, tổ chức vượt ngục nổi tiếng ở Biên Hòa từ năm 1959, người góp phần xây dựng lực lượng vũ trang đầu tiên ở miền Đông Nam Bộ.

Mỗi người ở một mặt trận chiến đấu, vị trí công tác và hoàn cảnh khác nhau, nhưng đều có chung tinh thần bất khuất, ý chí quật cường, sẵn sàng xả thân vì nhiệm vụ ở đâu cũng được tập thể yêu quý và tin cậy...

Bằng bút pháp khác nhau, mỗi bài viết là một bức tranh sinh động về phẩm chất, hành động và chiến công của những anh hùng, nó có sức truyền cảm sâu sắc, thuyết phục mạnh mẽ, tiếp thêm sức mạnh tinh thần cho mỗi chúng ta trong bước đường đi tới.

Đúng như đồng chí Trần Thị Minh Hoàng - nguyên Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai đã viết trong lời giới thiệu khi xuất bản *Tập I*: “*Đây là những tài liệu quý, nhằm góp phần giáo dục truyền thống yêu nước và cách mạng, truyền thống anh hùng bất khuất cần cù, sáng tạo của dân tộc thông qua những tấm gương lẫm liệt rất đáng tự hào của các Anh hùng trên đất Đồng Nai. Tập sách cần*

được phổ biến đến rộng rãi bạn đọc nhất là thế hệ trẻ, để học tập, noi theo và phát huy”.

Nhà xuất bản Quân đội nhân dân xin trân trọng giới thiệu *Tập II* “Những Anh hùng đất Đồng Nai” và mong nhận được ý kiến đóng góp, phê bình của bạn đọc, để các lần xuất bản sau được hoàn thiện hơn.

**NHÀ XUẤT BẢN
QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN**



Anh hùng NGUYỄN VĂN HUỀ

Liệt sĩ

Anh hùng Nguyễn Văn Huề sinh năm 1931, dân tộc Kinh, quê ở xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Khi hy sinh, đồng chí là chiến sĩ đặc công thuộc đại đội 250 đặc công chủ lực Miền.

Ngày 7 tháng 7 năm 1954, phân đội đặc nhiệm gồm 6 người, trong đó có Nguyễn Văn Huề, nhận nhiệm vụ đánh Mỹ đầu tiên tại Biên Hòa. Với sự yểm trợ của một số tổ tự vệ, các anh nghiên cứu tình hình địch, nhằm đúng ngày Mỹ đưa Ngô Đình Diệm lên ghế thủ tướng. Tổ chiến đấu cải trang như một toán lính tuần tiễu từ Gò Me đi thẳng vào cư xá, các chiến sĩ đặc công nhanh chóng áp sát cư xá đoàn cộ vận quân sự Mỹ (MAAG). Tổ của Nguyễn Văn Huề chia thành 3 nhóm; Huề và 1 đồng đội mang mìn theo lối cửa hông, đặt vào trong phòng. Đền bật sách, sợ lộ, các anh phải hành động gấp. Không để địch kịp phản ứng, đối phó, Nguyễn Văn Huề đã dũng cảm chấp nhận hy sinh, lệnh cho bạn “chập điện”. Tiếng nổ mạnh làm rung chuyển khu vực cư xá, nhiều tên địch phải đền tội. Nguyễn Văn Huề hy sinh, 5 đồng đội của anh quét tiểu liên vào chỗ có tiếng kêu gào rên la của Mỹ, rồi rút an toàn. Phối hợp nhịp nhàng với tổ đánh cư xá, bên ngoài các đồng chí khác nổ súng kìm chân địch, bảo vệ các chiến sĩ đặc công. Trận đánh diễn ra không đầy 15 phút, làm địch không kịp trở tay. Tiếng súng diệt Mỹ nơi đây đã cổ vũ và thúc đẩy phong trào cách mạng miền Nam phát triển rộng khắp. Đồng thời, đây là đòn cảnh báo bọn can thiệp Mỹ nếu chúng lấn sâu can thiệp vào miền Nam Việt Nam. Người dân Biên Hòa vô cùng tiếc thương và cảm phục hành động quả cảm của người chiến sĩ đặc công Nguyễn Văn Huề.

Ngày 28 tháng 4 năm 2000, Nguyễn Văn Huề được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TIẾNG SÉT BÁO HIỆU

“KỶ NGUYÊN VIỆT NAM ĐỐI VỚI CHÍNH QUYỀN MỸ”

TRỌNG PHỦ

Kho lưu trữ Trung ương 2 thành phố Hồ Chí Minh hiện còn giữ một bức điện, màu giấy đã ố vàng trong phòng phủ tổng thống, do bộ trưởng Nguyễn Đình Thuần của chế độ Sài Gòn gửi đại sứ Mỹ ngày 9 tháng 7 năm 1959 về việc “chia buồn” của tổng thống Ngô Đình Diệm sau trận tiền công của ta vào cư xá cố vấn quân sự MAAG của Mỹ ở Nhà Xanh (Biên Hòa) tối 8 tháng 7 năm 1959 làm chết hai tên là thiếu tá Dale. R.Buis và trung sĩ Chester M.Ovand, đại úy Boston bị thương.

Ở nghĩa trang Arlington (thủ đô Washington) người ta dựng bức tường đá hoa cương đen lớn đủ danh sách hàng ngàn nhân viên quân sự Mỹ chết do dính lứu vào cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Hai cái tên khắc đầu tiên trên tấm bia khổng lồ này chính là hai cố vấn quân sự trong điện văn “phân ưu” của tổng thống chế độ Sài Gòn đương thời. Theo sách báo Mỹ, cái chết của hai người này mở đầu “kỷ nguyên Việt Nam đối với chính quyền Mỹ”. Tại sao họ chết mở đầu cho một trang sử ám ảnh lương tri của người Mỹ suốt nửa cuối thế kỷ 20 gây ra cái gọi là “hội chứng Việt Nam”?

Trưa ngày 7 tháng 7 năm 1959.

Năm Huê nằm ngoài thềm ngôi miếu nhỏ lọt giữa vạt rừng chồi rộng vài mẫu xóm Gò Me, ấp Lân Thành, ngay giữa tỉnh lỵ Biên Hòa. Mây trắng bay lãng đãng, liên tục thay hình đổi dạng, lúc là những cụm bông xốp, lúc xơ toi tả. Con chim cu cườm đậu đầu đó trong bụi tre rìa xóm cất vài tiếng gáy gọi bạn tình. Hồi nãy, bóng một bà già thấp thoáng ở bìa vạt chồi trao giỏ bánh mì cho anh Năm Hoa khiến anh nhớ tới mẹ. Anh nghĩ nếu bà còn sống chắc cũng trạc tuổi bà đưa giỏ bánh cho bọn anh. Anh không sao hình dung nổi khuôn mặt người mẹ thân yêu, cha anh chỉ để lại vài kỷ niệm nhạt nhòa trong ký ức tuổi thơ. Anh chợt nhớ đứa con gái đầu tên Rõ, hai tuổi. Khi anh ra đi theo anh Tư Văn, nó còn nhỏ xíu, bây giờ gặp lại chắc sẽ nghe bi bô những tiếng “ba, ba...” ngọt ngào, cái nắm lúm đùm biết đi sà vào lòng anh sao thân thương đến thế ! Anh miên man thả hồn theo đám mây trôi về nơi chôn rau cắt rún ở tít phía Bắc bên kia sông Đồng Nai trong xanh.

Nơi anh ra đời là đồng Trường làng Chánh Hưng (tổng Chánh Mỹ Hạ, quận Tân Uyên, tỉnh Biên Hòa cũ) nằm từ vàm Sông Bé ngược lên, sát bìa rừng già chiến khu Đ. Hồi trước Cách mạng tháng 8 năm 1945 làng có 6 xóm. Nếu những xóm làng phía hạ lưu sông Đồng Nai đông vui, trù phú thì làng anh thuộc nơi sơn cùng thủy tận, khí ho cò gáy heo hút. Mỗi xóm chẳng qua chỉ là nơi đồng bào dân tộc Choro cùng một số ít người Việt đến mót lổm. Cha mẹ anh làm rẫy và ăn rừng, đều qua đời từ khi anh còn nhỏ xíu. Anh trai là Tư Thường (Nguyễn Văn Thường) chỉ nhỉnh hơn em một chút, gồng mình làm lụng nuôi thân và em nhỏ trong sự cu r mang bao bọc của bà con lối xóm. Thực dân Pháp quay lại xâm lược nước ta lần thứ hai, thì lính commăngđô bót Suối Tre

và pactidăng bót Cây Gáo mở nhiều cuộc càn quét chà xát làng này. Dân cư tránh địch, lùi lên thượng nguồn lập các ấp mới: Rạch Bùn và Cây Sung. Năm 1950-1951, hai anh em Tư Thường, Năm Huề và dân xóm bị quân giặc càn bót, dạt ngược lên ấp Rạch Bùn sinh sống. Năm 1950-1951, xã Chánh Hưng nhập vào xã Lạc An, từ đó đối với nhiều người địa danh Chánh Hưng chỉ còn trong tâm trí một số đã lớn tuổi từng sống hoặc hoạt động lâu năm ở đây.

Năm Huề 15 tuổi, vào du kích ấp đúng một năm thì hiệp định Giơ-ne-vơ ký kết (tháng 7 năm 1954).

Anh không thể hiểu nổi: hòa bình vừa lập lại, chiến tranh từ nay chấm dứt mà có những người từ miền Bắc xa lắm lại ùn ùn kéo vào đây sinh sống ? Sao họ không làm ăn yên lành ở quê họ ?... Anh đem thắc mắc đó hỏi anh Tư Văn (Văn Công Văn), ủy viên thường vụ chi ủy xã Lạc An phụ trách binh vận và công tác di cư, thì được nghe giải đáp: đó là những đồng bào miền Bắc bị Mỹ – Diệm dụ dỗ cưỡng ép di cư vào Nam nhằm ý đồ tạo hậu thuẫn chính trị tiêu diệt lực lượng cách mạng bám trụ...

Cuối năm 1955, một tiểu đoàn Bình Xuyên bị lính quốc gia đánh, từ Rừng Sác kéo về chiến khu Đ lập căn cứ chống Diệm. Đơn vị này được bổ sung một số thanh niên yêu nước, có cán bộ ta lòng vào chỉ đạo. Chi bộ An Lạc huy động khoảng 10 ghe xuồng của nhân dân địa phương thỉnh thoảng thay phiên nhau mua gạo, thực phẩm, thuốc men... về tiếp tế cho quân Bình Xuyên và số cán bộ bám trụ. Quen sống ngoài vòng cương tỏa ở vùng chiến khu Đ, nay đôi ba lần được cử đi làm nhiệm vụ chèo ghe (mua bán do người khác đảm nhiệm), lúc về Năm Huề căn nhắc với anh Tư Văn, người cán bộ gần gũi thân thiết còn hơn anh Tư Thường về hành động của một số người miền Bắc di cư:

- Tôi lên xuống, họ làm khó làm dễ đủ thứ, hạch sách, xét hỏi tùm lum...
- Thì mình đi ghe, cứ biết chèo ghe, mắc mớ gì !
- Nhưng tôi ghét bọn nó lắm, tôi không đi nữa...
- Ồ, không đi thì thôi...

Một số người nghĩ Năm Huề là người Choro hoặc lai dân tộc vì da anh đen nhem, cả đời đầu trần, to con, hơi lùn, tính tình gan lì, bộc trực, nóng nảy, có sao nói vậy, cộc cằn.

Năm 1955, địch theo dõi khu vực nông trường Bác Hồ ở vàm Sông Bé ngược lên một đoạn. Nơi đây trong kháng chiến chống Pháp cơ quan Tỉnh ủy Thủ Biên khai phá đất ven sông, tăng gia sản xuất tự cấp tự túc một phần. Một y tá bộ đội Lam Sơn cũ, tên Kỳ chẳng hiểu sao không đi tập kết cùng đồng đội. Vợ con anh ta ở dưới Lạc An, tại sao cha này cứ lảng vảng hoài ở đây ? Theo dõi một thời gian, thấy dáng điệu người lạ này lắc lảo, dòm ngó không đàng hoàng, Năm Huề đánh giá anh ta là gián điệp của địch. Chi ủy xã Lạc An cũng đặt vấn đề: ở trên này không có ai quen mà sao thằng này lên xuống liên tục ? Ít bữa sau, hai tàu sắt chở hai trung đội lính quốc gia bót Lạc An trang bị súng to súng nhỏ ngược sông Đồng Nai lên Rạch Bùn rồi quay về. Chúng chưa bắt bớ ai vì cán bộ, đảng viên ta tránh né hết. Như vậy có vấn đề gì đây ? Năm Huề vô tình biết nội

dung cuộc họp ngắn của chi bộ Lạc An. Anh Ba Nhiêu, bí thư chi bộ nói:

– Phải thủ tiêu thôi, chớ không để !

– Chém thì chưa có chủ trương, làm như vậy không nên... – anh Tư Văn, thường vụ chi ủy phát biểu. Sau đó anh Tư Văn về dưới Lạc An công tác. Năm Huề gặp hai bí thư và phó bí thư báo cáo nhận xét về tên Kỳ:

– Cái thằng gián điệp nó lên, nếu mấy ông không làm thì tôi cũng đâm chết, không cho nó phá...

Về gia đình ở Lạc An, anh Tư Văn hỏi tình hình chung và Kỳ có ở nhà không, thì được biết anh ta đi vắng. Ba bữa sau lên Rạch Bùn, anh nghe xầm xì: Kỳ bị thủ tiêu rồi. Chiều hôm đó anh gặp Năm Huề:

– Mấy hôm rày có đi làm cỏ rẫy không ?

– Em có đi làm cỏ rẫy. Hôm trước mấy anh bảo thủ tiêu thằng Kỳ, em làm hai bữa nay rồi...

– Làm làm sao ?

– Em bắt trời lại, đập chết rồi đút vào trong ụ ở suối Rạch Bùn.

– Làm gì ghê vậy ?

– Có gì ghê, không làm vậy ở đây sao yên !...

Sau vụ này, Năm Huề còn xử lý một vụ tương tự. Một tên trước kia là bệnh binh chuyển sang sản xuất từ lâu, ép một cô rất xinh, họ hàng với Năm Huề có chồng đi bộ đội, phải lấy y. Nếu không y hăm sẽ giết rồi ra Thành sống. Thằng chó đẻ này để nó sống gây tội ác làm chi. Anh lựa một bữa nó vào nhà cô nọ, trời gô lại, cho mấy nhát cuộc rồi kéo xác ra vùi ven suối Cây Sung. Nếu sau này anh không nói thì chẳng ai biết. Không phải đảng viên nên anh không bị ai kiểm thảo vì khuyết điểm manh động, phạm tinh thần chỉ đạo chung lúc đó là đấu tranh bằng phương pháp hòa bình.

Tháng 7 năm 1956, địch mở chiến dịch Trương Tấn Bửu đánh phá ác liệt phong trào cách mạng miền Đông Nam Bộ. Hàng trung đoàn lính chủ lực Sài Gòn tiến hành càn quét, bắt bớ số cán bộ đảng viên nằm vùng và cơ sở cách mạng. Dân Rạch Bùn cũng như cả xã Chánh Hưng cũ bị dồn về Lạc An hoặc lừa qua sông về Đại An, Trị An. Lính công binh Cao Đài của Trịnh Minh Thế về đây mở đường chia cắt địa bàn chiến khu Đ. Năm Huề tròn 18 tuổi, vừa cùng gia đình về Lạc An đã tìm gặp anh Tư Văn với vẻ mặt rầu rầu:

– Em thấy mấy thứ lính này là em không chịu được, anh tính sao với em ?

– Thì ở nhà với vợ con chớ sao. Tao đây Đảng còn chưa cho đi, biểu tao tạo điều kiện ra sống hợp pháp; ở trong không được, làm sao rước mày đi ?

– Anh không cho đi, ở nhà ít ngày em thấy chúng nó kỳ cục thế nào em cũng đâm, cũng chém nó rồi cũng bị chúng bắt, chúng giết thôi !

– Khi nào tao đi thì tao rút mày cùng đi...

Chi bộ Lạc An rất đông, tới gần 70 đảng viên, cấp ủy có 5 người. Sau vụ phá ngục Tân Hiệp, địch càn bố Lạc An, Chánh Hưng càng mạnh hơn, nhiều đồng chí và cơ sở yêu nước bị bắt, bị giết. Năm Huê mất liên lạc với các cán bộ địa phương một thời gian dài. Anh Tư Văn có lần nhắn tin qua vợ anh Năm:

– Nói với Năm Huê, có gì thì liên lạc với tôi.

Anh tự ái, tránh không gặp anh Tư, nói với vợ:

– Anh Tư cho đi thì tôi đi, chớ biểu gặp lỡ nó bắt thế nào tôi cũng chửi rồi nó bắn tôi chết...

Năm 1959, địch ban bố luật 10-59 đánh phá cách mạng càng ác liệt hơn. Đây đó đã có một số đồng chí, đồng bào yêu nước rơi đầu vì máy chém của Mỹ – Diệm kéo lê đi các địa phương. Năm Huê gặp anh Tư Văn lúc anh sắp chuyển đi công tác ở tỉnh Phước Thành mới lập:

– Nếu anh đi thì cho tôi theo, anh để tôi ở lại không chết thì cũng bị thương...

Anh Tư Văn bàn với anh Ba Tình (tức thầy giáo Thuấn) bí thư huyện ủy Tân Uyên:

– Cho cậu này về làm liên lạc cũng tốt, làm bảo vệ là tốt nhất, cậu này người dân tộc.

– Đồng chí nói vậy, tôi nhận về làm bảo vệ. Thế cậu ta có Đảng không ?

– Trời ơi, đảng viên bây giờ, xin lỗi, có người chưa chắc đã trung kiên. Lòng trung thành của cậu này tôi bảo đảm với anh...

– Đồng chí rút lên đây cho tôi.

Năm Huê lên huyện ủy gặp Ba Sắc, người Mỹ Lộc chống quân địch đang ở đây. Tiếng là đi thoát ly lên cơ quan huyện ủy song mỗi người một hóc, ít gặp nhau. Anh chưa được giao việc gì chỉ giăng võng nằm nghỉ hoặc vào rừng kiếm rau quả... buồn quá mới nói với anh Ba Tình:

– Anh không cho tôi đi theo anh Tư đánh giặc, tôi sẽ trốn. Anh cột tôi ngoài rừng sao được !

– Em đừng có buồn, thôi ở đây làm bảo vệ đi. Anh Tư không đánh giặc mà làm công tác chính trị.

– Thôi, cứ cho tôi theo anh Tư hay đi bất cứ chỗ nào có đánh giặc...

C.250 thành lập đầu năm 1957, thoát đầu làm nhiệm vụ võ trang tuyên truyền và bảo vệ cơ quan Tỉnh ủy Biên Hòa. Năm Huê và Ba Sắc theo giao liên lên tới bưng Tre ở tuốt trong rừng sâu Mỹ Lộc thì gặp chỉ huy là đại đội trưởng Năm Hoa. Lúc này C.250 đã chuyển thành lực lượng vũ trang của liên tỉnh miền Đông, quân số non hai trung đội, vũ khí còn hèo. Đơn vị có chừng 20 khẩu súng mứt (súng trường), tiểu liên và trung liên do anh em tù chính trị phá khám Tân Hiệp (chiều 2 tháng 12 năm 1956) lấy mang ra và vài

khẩu khác thu trong những lần võ trang tuyên truyền. Nghe anh em trong đơn vị kể chuyện, Năm Huê phát ham. Thỉnh thoảng C.250 lại phái một, hai tiểu đội ra chặn xe đồ trên đường 8 và đường 16, tuyên truyền vạch tội ác của Mỹ – Diệm bắn giết đồng bào miền Nam ở nhiều nơi, phá hoại hiệp định Giơ-ne-vơ, chống lại việc hiệp thương tiến tới tổng tuyển cử tự do thống nhất đất nước bằng phương pháp hòa bình. Anh em bố trí chặn hai đầu đường, nếu có xe nhà binh đi tới thì nổ súng để mấy anh làm nhiệm vụ tuyên truyền kịp rút. Chưa lần nào ta đụng độ lớn và tổn thất, vài lần, một số lính quốc gia đi trên xe đồ có súng mà ngồi chịu trận im re. Anh em ta không làm gì họ, chỉ khuyên họ bỏ vũ, đừng chống lại nhân dân kéo có ngày bị cách mạng trừng trị. C.250 nhiều lần chống địch càn vào khu vực căn cứ Tỉnh ủy, có lần chúng mới nghe súng ta nổ đã rút lui. Năm Huê vừa gia nhập đơn vị đã được đồng đội có mặt từ buổi đầu thành lập đơn vị kể lại: anh Năm Hoa là chỉ huy đội biệt động Biên Hòa đánh nhiều trận nổi tiếng: hạ bớt Long Điền không tốn viên đạn, phối hợp đánh yếu khu Trảng Bom diệt hàng trăm địch, đốt hăng dầu Phước Lư hàng triệu lít cháy rực trời Biên Hòa... Anh là thị đội phó Biên Hòa hồi cuối thời kỳ chống Pháp rồi thị ủy viên thị xã Biên Hòa sau Hiệp định Giơ-ne-vơ tháng 7 năm 1954. Hoạt động nội ô gần ba năm, đầu năm 1957 anh được tỉnh rút lên làm đội phó C.250... Anh gan dạ, vui tính, hòa đồng táo bạo, đi đầu trong điều nghiên chiến trường và sau đó dẫn anh em đi đánh là chắc thắng: đánh trận Bến Sắn để lấy thuốc men và dụng cụ y tế, đánh Bù Đăng lấy nhiều gạo trong lúc đơn vị và một số cơ quan đang thiếu đói, đánh Bến Củi và Dầu Tiếng thu hàng triệu đồng nộp lên cấp trên...

Nhưng Năm Huê thích nhất là nghe kể chuyện trận đánh trại be Hiếu Liêm khoảng giữa tháng 4 năm 1958. Lúc ấy địch mở con đường Trần Lệ Xuân đi tới suối Bà Hào. Chúng mở dinh điền ở hai bờ sông Bé ở khu vực Hiếu Liêm, cài cắm bà con di cư để một công đôi việc vừa phá quang địa hình, vừa khai thác gỗ làm giàu cho chúng. Dinh điền có đội nhân dân tự vệ trang bị súng Mã Lai, ban ngày số đội viên này đi làm, súng bỏ vào kho, chỉ có vài khẩu cật ở nhà bọn chỉ huy. Liên tỉnh ủy chỉ đạo tiến hành cuộc võ trang tuyên truyền để ngăn chặn việc phá rừng, giữ địa bàn. Hàng ngày khoảng 8 giờ sáng, hàng chục xe be tập trung ở Bà Hào chở gỗ ra cửa rừng. Sáng hôm đó, C.250 phối hợp với một bộ phận lính giáo phái Bình Xuyên – có nhiều anh em rành lái xe – bất ngờ đột nhập bãi xe, yêu cầu số tài xế tập trung về một chỗ. Ta dùng vài xe chở hai tiểu đội C.250 về dinh điền Hiếu Liêm, tiến hành tuyên truyền chớp nhoáng, thu hơn chục súng. Anh em C.250 rút sang bờ nam Sông Bé, còn anh em lính giáo phái quay xe về Bà Hào tuyên truyền trong số lái xe rồi về căn cứ. Sau trận này, dân di cư ở hai bờ Sông Bé nháo nhác sợ, đấu tranh bỏ không ở đó nữa... Bị cuốn hút vào câu chuyện, Năm Huê ao ước được tham gia cùng đồng đội. Anh sẽ chứng tỏ cho các bạn biết mình là người thế nào.

Năm Huê thấy Hưng, người Tân Tịch đi biển biệt, thỉnh thoảng mới có mặt hai, ba bữa rồi lại mất tăm. Anh Năm Hoa cũng không thường ở bung Tre với anh em, về mặt rạn rờ, song giấu kín điều gì đó, chỉ động viên mọi người ráng luyện tập vì sắp được ra trận. Anh đã có lần tiết lộ ra: bọn Mỹ nhảy vào giúp Diệm ngày càng đông, cấp trên chỉ định cho bọn này một đòn dằn mặt nhớ đời. Anh kể:

– Tao theo anh Năm vào nằm ở xã Bình Hòa xem bọn Mỹ mở rộng sân bay Biên Hòa như thế nào. Nó đuổi hết dân mấy làng Bửu Long, Tân Phong quanh đó, máy móc rần rần ủi phá địa hình suốt ngày đêm...

Năm Huê là dân gốc vùng căn cứ không tọc mạch cấp trên là cấp nào, hàng ngày cùng anh em mài miết tập bắn, tập ném lựu đạn. Tiếc là đạn dược hiếm hoi nên anh không thể kiểm tra ngay kết quả học tập, chớ khi giương súng ngắm, gân tay anh như thép không hề run. Trái lựu đạn nặng khoảng nửa ký, anh ném xa bốn chục mét vẫn đúng hướng. Lâu lâu anh Ba Sắc lại được cử về Mỹ Lộc ban đêm, lấy gạo ở nhà má Ba Sắc hoặc ông Tư Nhơn. Những chuyến đi này không gây lo lắng hồi hộp vì đây là địa bàn các anh quen thuộc từng khúc đường, từng mảnh vườn, bụi cây, từng gia đình cô bác lối xóm. Tự vệ hương thôn ngủ ở trụ sở xã, chẳng đại gì mò mẫm tuần tra, lỡ đụng Việt cộng thì toi mạng...

Cách nay đúng một tuần, anh Năm Hoa triệu tập năm người: Bé, Phú, Sắc, Hưng, Năm Huê ra một góc bung Tre truyền đạt chỉ thị của lãnh đạo liên tỉnh miền Đông chỉ bằng một câu ngắn:

– Chúng ta sắp đánh Mỹ.

Như có luồng điện giật, Năm Huê nóng ran cả cơ thể: đánh thẳng thầy lũ tay sai thì đã quá ! Anh vọt ra câu hỏi:

– “Uýnh” Mỹ thiệt hả anh Năm ?

– Tôi vừa công bố chỉ thị của lãnh đạo mà ! Các đồng chí nghe đồng chí Hưng trình bày kế hoạch...

Hưng thông thả vừa nói vừa vẽ sơ đồ mục tiêu lên mặt đất:

– Nhà Xanh nằm cách ngã ba Máy cưa Tân Mai khoảng nửa cây số, trước kia là văn phòng nhà máy cưa BIF, rộng hơn một mẫu. Thời chín năm đây là sở chỉ huy của trung đoàn 22 (22 ème RIC). Khi quân Pháp rút về nước, Nhà Xanh sửa sang thành nơi ăn ở của nhóm gần chục tên cố vấn quân sự Mỹ huấn luyện cho sư đoàn 7 đóng ở trại Trần Quốc Toản gần Bình Đa. Trụ sở này rào mấy lớp kẽm gai; đứng từ xóm Gò Me có thể nhìn rõ căn lầu quét vôi xanh. Đêm đêm, đèn điện sáng trưng toàn bộ khu vực. Nhà Xanh có cổng chính từ ngã ba Máy cưa chạy thẳng vào, lính thay phiên nhau gác suốt ngày đêm và một cổng phụ bên hông để bọn bảo vệ ra vô, đến đêm khóa lại. Mỗi tốp lính gồm vài ba tên đi tuần liên tục phía ngoài rào. Nhà Xanh nằm giữa vòng bảo vệ của trại gia binh trung đội lính bảo vệ, cư xá Trung Dũng cạnh nhà máy giấy Tân Mai có hàng chục sĩ quan ngụy, ngoài ra còn nhan nhản mật vụ, chỉ điểm, thanh niên chiến đấu các ấp Lân Thành, Tân Mai, Vĩnh Thị. Vòng ngoài có bộ tư lệnh sư đoàn 7, bộ chỉ huy quân đoàn 3, sân bay Biên Hòa, ty cảnh sát, tỉnh đoàn bảo an, ty đặc cảnh miền Đông PSE... không nơi nào xa quá 4km đường chim bay. Vì vậy địch đánh giá Nhà Xanh là nơi cư trú bảo đảm an toàn tuyệt đối cho số cố vấn Mỹ. Phục vụ tại đây có một người bếp, một anh bồi, một người làm vườn, hồ sơ lý lịch công an Diệm đã thẩm tra kỹ. Đánh Mỹ đã khó, nhưng đánh xong rút ra còn khó gấp bội vì khi súng nổ, địch sẽ nhanh chóng

chặn mọi ngã đường bằng xe cơ giới, bằng đội lính kỵ mã... Chúng ta chỉ có thể đánh địch bằng lối đánh đặc công phân đội nhỏ, đánh nhanh rút nhanh, chấp nhận hy sinh khi cần thiết...

Sắc thắc mắc:

– Tôi không sợ chết, nhưng xin hỏi làm sao vô được mà đánh ?

– Tất nhiên lãnh đạo đã dự kiến có đánh chắc ăn mới đánh. – Năm Hoa trả lời.

Bé có ý kiến:

– Từ đây xuống Biên Hòa mấy chục cây số, làm sao đi đánh rồi về chỉ nội một đêm?

– Đồng chí yên tâm, đường đi nước bước đã được cấp trên thông qua, tôi là dân thổ công Biên Hòa bảo đảm đưa anh em vô rồi ra an toàn...

Tổ đặc công bàn bạc trao đổi kỹ kế hoạch thực hiện rồi hạ quyết tâm: dù phải hy sinh anh em cũng ráng hoàn thành nhiệm vụ khó khăn này.

Chiều ngày 5 tháng 7 năm 1959, đồng chí Lâm Quốc Đăng, Phó ban quân sự liên tỉnh miền Đông tới gặp trực tiếp giao nhiệm vụ đánh bọn cố vấn Mỹ ở Nhà Xanh máy cưa Biên Hòa cho phân đội, ôm hôn từng người, chúc anh em thắng lợi lớn. Anh Năm Hoa phát biểu ngắn hứa nhất định làm tròn nhiệm vụ cấp trên giao. Năm Huê cũng như bốn anh em khác không nói lời nào, song cảm nhận đầy đủ trách nhiệm nặng nề đặt trên vai họ. Lăn ra đi này có thể có người không bao giờ trở về song quyết tâm thì tràn đầy tim óc họ. Trời vừa sụp tối, sáu anh em trang bị mi Mát, riêng Năm Huê đeo ngang sườn túi đựng trái thủ pháo gần 1 ki-lô-gam, lặng lẽ từ bung Tre ra tới bờ sông Đồng Nai đã có chiếc xuồng đợi sẵn. Nước sông lóc bóc vỗ vào be xuồng, chỉ vài phút đã cập bờ bên kia. Nếu ai thính tai mới nghe tiếng chân bước nhẹ trên mặt đất ẩm đường làng vì trận mưa không lớn lúc xế chiều. Năm Huê chỉ đoán mình vừa đi qua Thiện Tân lúc vượt con lộ đá trắng nhạ. Phân đội đi theo đường đất cắt ngọn đồi thấp nhắm hướng có quang sáng ánh điện trước mặt.

Quá nửa đêm một chút, chuôi sao Bắc Đẩu chống ngược cán gáo ở phương Bắc thì Năm Hoa cho anh em nghỉ ở một vạt rừng. Anh và Sắc gác cho anh em trải miếng nilon ngủ trên bãi cỏ. Bốn chàng trai chìm vào giấc ngủ say rất nhanh.

Mờ sáng ngày mùng 6, Năm Huê chợt tỉnh dậy sau cái lắc vào chân và câu gọi của Bé: dậy gác ! Anh vươn vai ngồi bật lên. Hưng đang đứng ngó về vùng trũng lũng đang sương sớm. Năm Huê hỏi nhỏ: Đây là đâu ? Hưng ghé tai đáp: Gò Trâm Muối, ấp Bàu Hang. Vạt rừng ở đây quá nhỏ so với bung Tre quen thuộc. Có vài cây cày cao cao, còn toàn là cây bụi với cành và tán xòe um tùm. Mấy chú chim lích chích gọi nhau trên cành bông vụt bay lên rồi mất hút vào lùm cây đằng xa. Trời sáng dần, màn sương vén nhanh, những tia nắng sớm soi rõ mọi vật. Toàn cảnh vùng trũng hiện ra trước mắt Năm Huê, mấy chiếc ô tô và xe ủi nhỏ xíu như đồ chơi của con nít nằm rìa vệt đất đỏ au chạy dài theo hướng đông tây giữa vùng trũng, mấy dãy nhà mái tôn sáng lóa trong nắng... Hưng chỉ tay về phía ấy:

– Sân bay Biên Hòa đó. Nó đuổi hết dân ở trông cho Mỹ mở rộng, cái vệt đỏ là đường băng đang ủi, nghe nói dài hơn 3 cây số, máy bay cỡ nào cũng lên xuống ngon lành. Trước đây mấy ông tính “uýnh” sân bay rồi lại thôi. Tụi này ở Sài Gòn, sáng lên đây làm, chiều lại đông về dưới...

– Thế bọn cô vẫn Nhà Xanh thì sao ?

– Bọn nó khoảng chục tên, ăn ngủ luôn ở đó. Sau tết vừa rồi, anh Năm Hoa dẫn mình về gặp anh Ba Lễ, bí thư thị xã Biên Hòa. Anh Ba gọi mình ở cơ sở là nhà má Bảy Vết xóm Máy cưa cách bọn đó mấy trăm mét. Bả bán cá, chị ruột anh Tám Bi đó. Địch tuần tra canh gác ngặt mà cũng có chỗ lỏng, sơ hở. Mỗi tối không mưa, nó cho dân vô xem chiếu phim ở sân. Mình trà trộn theo dân vô, kín đáo nắm tình hình hoạt động của nó mấy tháng liền, thỉnh thoảng lại về cứ báo cáo tình hình...

– Nó không xét giấy sao ?

– Ban ngày lạ mặt đi lại thì lòi ngay, nó túm liền. Mình phải ở lì trong phòng phía sau như bà đẻ, tối đi xem phim chưa thấy nó chặn xét giấy lần nào. Nay, mình gặp một bà dững cảm không thua cánh đàn ông.

– Bà nào ? Mà dững cảm sao ?

– Bữa đó mình và anh Ba hí húi vẽ sơ đồ Nhà Xanh và bàn cách đánh ở phòng trong nhà má Sáu Tư để chuẩn bị mang lên căn cứ thì bắt chợt bả vô kiểm thứ gì đó. Bả hỏi anh Ba: “Chúng nó ở nhà lâu, bọn bay không có súng làm sao đánh?”. Anh Ba nói thiệt là sẽ dùng mìn. Bà nói: “Tụi bay để tao đánh cho, tao là đờn bà lại dân ở đây chúng nó quen mặt không nghi, dễ đánh hơn tụi bay”. Anh Ba phải lựa lời khuyên bả coi nhiệm vụ nuôi giấu anh em cũng là góp phần trực tiếp đánh giặc, bấy giờ bà mới thôi. Mà cậu biết không, bả năm con lặn! Ngon không !

Năm Huê thăm kính phục người phụ nữ chưa biết mặt bằng tuổi mẹ mình mà gan dạ khí phách quá trời!...

18 giờ ngày 7 tháng 7 năm 1959.

Mặt trời đỏ lù chìm nhanh xuống sau rặng cây bên kia Cù lao Phố. Mây chân trời phía tây rực hồng. Huê liên tưởng đến màu cờ Tổ quốc tung bay sau chiến thắng. Sáu anh em phân đội đặc công qua một ngày căng thẳng ngay sát nách địch. Các tốp tuần tra địch có lần vô xóm nhưng chưa lần nào đặt chân tới vạt chòi nhỏ Gò Me. Tự vệ mật địa phương đã đào hầm phòng hờ, song phân đội không sử dụng đến. Nếu hôm nay địch bắt chợt mò vào sẽ có trận tao ngộ chiến. Nhà máy giấy Tân Mai im ắng, thợ thuyền nghỉ lễ kỷ niệm “đệ ngũ chu niên Ngô tổng thống chấp chính”. Mọi bữa, máy chạy rầm rầm suốt đêm ngày, đèn sáng trưng mấy phân xưởng, thợ áo xanh sáng tấp nập đến làm rồi chiều tan sở ùn ùn ra về. Những cuộn giấy báo nặng hàng tạ chất lên đồng xe tải hôm nay ngưng không chạy ra ngã ba Máy cưa về Sài Gòn như mọi ngày.

Anh Năm Hoa mở bọc vải bạt lớn, lấy bộ đồ lính kaki vàng với một xệp nón bánh tráng rộng vành cùng mấy đôi giày lính lộ ra:

– Các đồng chí thay đồ lính, chuẩn bị chiến đấu !

Hưng vừa trở về sau khi cùng Năm Lữ, cơ sở mật Gò Me ra tận Nhà Xanh quan sát tình hình địch lần chót:

– Báo cáo anh Năm, hiện ở sân Nhà Xanh có sáu xe ô tô các loại. Công trước một tên lính gác như thường lệ, công bên hông mở, lính trại gia binh đang nhậu.

– Các đồng chí vũ khí sẵn sàng, đội hình hàng một theo tôi. Năm Huê chú ý trái thủ pháo. Ba Sắc yểm trợ phía sau theo đúng phương án tác chiến !

– Rõ ! Tất cả đồng loạt trả lời khẽ.

19 giờ kém 7 phút. “Tiến !”. Mệnh lệnh ngắn gọn phát ra.

Tốp sáu người lính lặng lẽ đi hàng một từ vạt rừng chòi Gò Me, theo bờ ruộng nhỏ tiến về phía Nhà Xanh. Màu kaki sẫm hòa vào bóng tối. Đất dưới chân họ mềm nên giày đinh không phát ra tiếng côm cộp thường thấy. Năm Huê ước lượng mục tiêu chỉ cách chưa đến 300 mét. Đèn sáng làm nổi rõ vóc dáng to cao của người chỉ huy với bước đi chắc nịch. Anh không cảm thấy hồi hộp chút nào, tim vẫn đập nhịp bình thường. Đánh trận mà như vậy đánh hoài được à ! Chỉ hiềm đèn điện hơi sáng, muốn ẩn nấp hơi khó. Anh đã nghe rõ tiếng : “Dzô ! dzô! Trăm phần trăm !” từ phía trại gia binh ồn ã chen tiếng nhạc “chát chát xình, chát chát bùm” và tiếng hát ẻo ọt của cô ca sĩ nào đó phát ra từ một chiếc radio. Tầng lầu Nhà Xanh sáng đèn, nhưng sao tầng trệt lại tối thui ?

Họ tiến vào cổng Nhà Xanh. Sân rộng chỉ có ô tô đậu, đằng công chính tên lính gác cầm ngang cây cạcbin day mặt hướng ra phía ngã ba. Năm Huê chỉ nhìn thấy lưng y. Bên ngoài hàng rào, người đi đường và các loại xe đạp, xích lô qua lại như thường lệ. Sân banh ở phía đông kề ngoài hàng rào thấp thoáng hai bóng người vóc dáng cao to đánh tennis, tiếng vợt và bóng nện xuống mặt sân vang bồm bộp. Từ căn bếp, tiếng xèo xèo và mùi thịt chiên xào tỏa ra thơm nức mũi. Chắc bồi bếp đang chuẩn bị tiệc tùng đây ! Năm Hoa khoát cao cánh tay: hiệu lệnh nhanh chóng tiếp cận mục tiêu đúng vị trí quy định. Anh và Phú áp vào cửa sổ tầng trệt hé mở, chĩa súng vào trong. Hưng chạy sau Bé về phía cửa ra vào. Năm Huê và Sắc tiến đến cửa hông ăn thông xuống nhà bếp. Cả sáu người vừa đi dưới ánh đèn, áp sát căn phòng lớn tầng trệt – dùng làm phòng ăn và nơi chiếu phim – thấy làn ánh sáng xanh và tiếng “xè xè” của chiếc máy chiếu phim phát ra. Bỗng căn phòng tràn ngập ánh sáng, cuộn phim vừa hết, một tên mở công tắc để thay phim. Năm Huê tay cầm trái thủ pháo gần 1 ki-lô-gam nhảy lên bậc tam cấp cửa hông tiến vào phòng. Anh đụng phải tên bồi người Việt hốt hoảng lao ra. Sau lưng y, một tên Mỹ to cao trườn theo. Không cho bọn Mỹ thoát, Năm Huê tung trái thủ pháo về phía trước. Một quầng lửa sáng lòe kèm tiếng nổ như sét làm rung chuyển cả Nhà Xanh. Đèn trong phòng chiếu phim vụt tắt. Khẩu súng trong tay Năm Hoa rung lên, nháng lửa kèm tràng tiếng nổ vang. Rồi súng trong tay Hưng, Phú, Bé nhịp đồng loạt ngắn. Ngoài cổng chính, lác đác vài tiếng súng...

Báo chí Sài Gòn như các tờ Buổi Sáng, Chuông Mai, Dân Nguyễn, Ngôn Luận, Tiếng Chuông, Tin Tức, Tự Do... liên tục đưa tin về trận tập kích tối ngày 7 tháng 7 năm

1959.

Báo Buổi Sáng, số ra ngày thứ bảy, ngày 11 tháng 7 năm 1959 đăng “tin giờ chót”:

“Danh sách nạn nhân đã được công bố.

Hôm qua nhà chức trách ở Washington đã tiết lộ danh sách nạn nhân trong vụ Việt cộng tấn công trụ sở của cố vấn quân sự Mỹ ở Biên Hòa.

Hai người tử nạn là thiếu tá Buis, hạ sĩ nhất Ovmand. Người bị thương là đại úy Boston.

Ngoài ra, theo Thông tấn xã ngoại quốc thì cuộc tấn công xảy ra giữa lúc vừa chiếu xong một phim và đổi cuộn khác...”

Tạp chí International Herald Tribune (Diễn đàn thông tin quốc tế) ra ngày 11 tháng 7 năm 1959 có bài của nhà báo Staley Karnod nhan đề “Không biết những người chết đầu tiên nói gì”:

“Sáng hôm sau tôi đến thu thập tin tức. Sáu trong số những cố vấn Mỹ đóng ở đó sau bữa ăn tối đã ngồi lại xem phim “Cái áo rách” do diễn viên Kanne Grain đóng. Khi một người trong số họ đứng dậy thay phim thì du kích xuất hiện ở cửa sổ dùng súng tự động nã vào căn phòng giết chết Buis và Ovmand...”

Buis và Ovmand là những người đầu tiên chết trong kỷ nguyên Việt Nam...”

Đôi điều nói thêm về trận tập kích tối 7 tháng 7 năm 1959

Đầu năm 1959, Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng ra đời nhưng chưa được triển khai ở miền Nam. Đánh bọn cố vấn Mỹ một đòn đả mạt là ý định táo bạo của một số đồng chí lãnh đạo liên tỉnh miền Đông, nhất là số cán bộ quân sự. Liệu Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương có tán thành việc này không? Một số lãnh đạo liên tỉnh ủy nhất trí đã đến lúc phải đánh Mỹ. Nhân dân miền Nam nói chung và nhân dân Biên Hòa nói riêng chắc chắn nhiệt tình ủng hộ. Đồng chí Tám Kiến Quốc (Trung tướng Nguyễn Hữu Xuyên) phụ trách tỉnh Biên Hòa, lúc đầu chọn mục tiêu đánh bọn nhân viên kỹ thuật Mỹ đang mở rộng sân bay Biên Hòa thành sân bay chiến lược. Tháng 2 năm 1959, anh Năm Hoa chỉ huy đơn vị vũ trang chủ lực C.250 của liên tỉnh miền Đông được cử về liên lạc với Thị ủy Biên Hòa. Đồng chí Ba Lễ (Trương Văn Lễ), Bí thư Thị ủy, là anh rể của Năm Hoa khi bàn bạc công tác phối hợp điều nghiên đã góp ý: “Ở Biên Hòa có một điểm bọn Mỹ tập trung, ta đánh nơi đó tốt hơn. Đó là cư xá quân sự MAAG ở Nhà Xanh hăng của Tân Mai, bọn này đang huấn luyện cho sư đoàn 7 bộ binh ngự”. Trước khi Năm Hoa trở lên căn cứ báo cáo, đồng chí Ba Lễ dặn: “... Cậu phải nói cấp trên, nếu đồng ý thì ra văn bản để có cơ sở tụi mình phối hợp làm, sau này khỏi lôi thôi...”²

² Trước khi có Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (đầu năm 1959), để thực hiện Hiệp định Giơ-ne-vơ, ta chủ trương đấu tranh với địch bằng phương pháp hòa bình. Vụ đồng chí Trương Văn Lễ diệt tên Sư trước đây bị coi là manh động, phải chịu kỷ luật.



Đồng chí Phạm Hùng - Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (hàng đầu - Thứ hai từ phải sang), đồng chí Trần Văn Danh - Trưởng ban chỉ đạo xây dựng công trình Thủy điện Trị An (bìa phải, hàng đầu) cùng các chuyên gia Liên Xô, tại công trường Thủy điện Trị An, năm 1988.



Đồng chí Thượng tướng Trần Văn Trà - Phó chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam (hàng đầu, thứ tư từ phải sang) cùng một số đại biểu dự Đại hội đại biểu Hội Cựu chiến binh tỉnh Đồng Nai lần thứ nhất (4-1992).



Đồng chí Võ Văn Kiệt - Cố vấn BCH TƯ Đảng (ngồi giữa - hàng đầu), đồng chí Lê Hoàng Quân - Phó bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (bìa phải) và đồng chí Thiếu tướng Nguyễn Thanh Tùng - Anh hùng LLVTND, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh tỉnh Đồng Nai (đứng bìa trái) tại đêm Lễ hội Biên Hòa - Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển (1998).



Tại Văn phòng Chính phủ, Phó thủ tướng Phan Văn Khải gặp gỡ đoàn đại biểu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động tỉnh Đồng Nai ngày 26 tháng 7 năm 1997.



Thiếu tướng Nguyễn Thanh Tùng - Chủ tịch Hội CCB tỉnh Đồng Nai (bìa phải) hướng dẫn đồng chí Thượng tướng Đào Đình Luyện - Phó chủ tịch Hội CCB Việt Nam thăm một cơ sở làm kinh tế giỏi của hội viên Hội CCB tỉnh - tại phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa (tháng 6 năm 1997).



Chủ tịch Hội CCB tỉnh Đồng Nai - Nguyễn Thanh Tùng, trao quà cứu trợ đồng bào bị lũ lụt ở xã An Thới, Thị xã Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp (tháng 9 năm 2000).



Đồng chí Thiếu tướng Phan Trung Kiên, Anh hùng LLVTND - Tư lệnh Quân khu 7 (thứ tư từ trái sang) cùng một số cán bộ của Quân khu đến thăm Hội CCB tỉnh Đồng Nai (năm 1999).



Nhà báo, Thiếu tướng Phạm Xuân Ân (Trần Văn Trung) - Anh hùng LLVTND (bìa trái) đang trao đổi nghiệp vụ với các nữ phóng viên trẻ Báo Đồng Nai.



Đồng chí Thượng tướng Trần Văn Quang - Chủ tịch Hội CCB Việt Nam (thứ sáu từ trái sang) cùng các đồng chí: Lê Hoàng Quân UVBCHTƯ Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai; Võ Văn Một - Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai; Nguyễn Thanh Tùng - Chủ tịch Hội CCB tỉnh Đồng Nai cùng các cán bộ trong dịp đồng chí Chủ tịch Hội về làm việc với Hội CCB tỉnh Đồng Nai (tháng 4 năm 2001).



Anh hùng LLVTND Tống Viết Dương (thứ hai từ trái sang) và Anh hùng LLVTND Nguyễn Thanh Tùng (bìa phải) cùng một số Cựu chiến binh trong ngày họp mặt truyền thống Đoàn Đặc công 367 (ngày 14 tháng 9 năm 1997).



Họp mặt các Anh hùng LLVTND và Anh hùng Lao động nhân Kỷ niệm 25 năm ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng. (30-4-1975 - 30-4-2000).

Cuối tháng 2, anh Năm Hoa lại về, trao cho đồng chí Ba Lễ mảnh giấy viết mực tím có chỗ bị nhòe do ướt, chữ rất to, nội dung: “Yêu cầu Thị ủy phối hợp với lực lượng vũ trang liên tỉnh nghiên cứu, điều tra để tiến hành đánh bọn cố vấn Mỹ ở BIF. Đánh xong Thị ủy không cần báo cáo. Ký tên: Tám Kiến Quốc”.

Số người được biết về trận đánh này rất ít, sau này trong lần đồng chí Tám Kiến Quốc về Biên Hòa, đồng chí Hai Danh, nguyên Phó ban Tuyên giáo kiêm Trưởng ban lịch sử Đảng – Tỉnh ủy Đồng Nai hỏi kỹ thì được trả lời đại ý: Chưa xin ý kiến Xứ ủy Nam Bộ nên chúng tôi “đánh chui”, cũng lo bị kiểm điểm, không ngờ mình làm đúng tinh thần Nghị quyết 15 của Trung ương.

Đồng chí Năm Huê đánh địch bằng vũ khí gì ? Nhiều sách báo, phim tài liệu, truyền hình thường nói anh ôm trái mìn điện. Song cuốn hồi ký “Sinh ra từ vùng địa linh” của Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Nguyễn Văn Huê ghi tình tiết sau đây:

“Tôi may được anh Ba Sắc, một trong sáu chiến sĩ đặc công đánh trận Nhà Xanh. Mặt anh còn nám đen vì ảnh hưởng thuốc nổ. Anh kể vắn tắt:

– Huê cầm trái thủ pháo chạy trước, tôi bám ngay sau cách vài mét. Có thằng Mỹ từ trong phòng địch chạy ra, Huê ném trái vào bọn nó; vì ở quá gần nên bị sức nổ ép dội ngược, hy sinh tại chỗ. Tôi chỉ bị thương, miếng còn găm trong người, mặt nám thuốc.

Anh Ba Dao (Nguyễn Ngọc Ánh) cán bộ quân giới, người chế trái thủ pháo bổ sung:

– Đây là trái thủ pháo vỏ chế bằng hai lon sữa bò hàn lại, nhồi gần ký thuốc nổ, gắn kíp MK.2. Thủ pháo cỡ này đánh trong nhà kiên cố phát huy uy lực sát thương mạnh...”

Người viết gặp đồng chí Hai Báo, cán bộ hưu trí hiện cư ngụ tại xã Tân Mỹ, huyện Tân Uyên, Bình Dương giữa tháng 1 năm 2001. Đồng chí cho biết hồi đó đang công tác ở huyện ủy Tân Uyên, gặp ngay Ba Sắc là em ruột, được đồng đội dìu về, mặt nám đen bị thương do thủ pháo trong trận Nhà Xanh, chữa hàng tháng mới lành...

Trong chiến thắng Nhà Xanh, Thị ủy Biên Hòa góp phần hỗ trợ quý báu mọi mặt. Đồng chí Ba Lễ (Trương Văn Lễ), Bí thư Thị ủy, quê Cù lao Phố, từ sau Hiệp định Giơ-ne-vơ vẫn liên tục bám trụ địa bàn dù địch truy lùng ráo riết. Đồng chí xây dựng hàng loạt cơ sở nội ô, trong đó có một số là hộ hàng xa gần gốc xã Hiệp Hòa như bà Ba Xuân (Nguyễn Thị Xuân) ở xóm Gò Me, bà Sáu Tơ (Huỳnh Thị Tơ) và bà Bảy Vết (Phạm Thị Vết) ở xóm Máy cưa... là người am hiểu tường tận tình lý Biên Hòa, đồng chí đã gợi ý cấp trên đánh bọn cố vấn quân sự Mỹ sẽ gây tiếng vang lớn. Đồng chí đích thân cùng anh Hưng vào tận sào huyệt Nhà Xanh điều nghiên mấy tháng liền, vạch kế hoạch chiến đấu tỉ mỉ; đó là cơ sở đề cấp trên duyệt phương án tác chiến. Tối 7 tháng 7 năm 1959, theo gót phân đội Năm Hoa, anh Sáu A (Nguyễn Văn A) người xóm Gò Me và vài tự vệ mật đã nhanh chóng không chế kho súng, kèm chân số lính ở trại gia binh. Anh Nhái, một tự vệ mật khác, cải trang làm người chạy xích lô, đứng ở ngã ba Máy cưa, dưới nệm xe là khẩu tiểu liên và trái lựu đạn, sẵn sàng chặn đánh địch đến ứng cứu. Anh Nguyễn Thành Long, thợ sửa chữa điện tử ở tiệm radio Minh Tuyên ở chợ Biên Hòa kịp thời nổ súng diệt tên lính gác cổng chính Ngô Văn Chiến. Còn phải kể thêm một số cơ sở giúp đánh lạc hướng truy tìm của địch bằng việc vớt dép, com nắm, vờ gọi đò sang sông sau khi nổ súng... Tất cả đã phối hợp nhịp nhàng, theo kịch bản soạn trước rất chi tiết. Không có cán bộ và cơ sở địa phương hỗ trợ, không thể có trận Nhà Xanh đạt hiệu suất cao, tồn thất ít như thế.

Báo chí Sài Gòn và Mỹ đều đăng tải trận đánh vào tối 8 tháng 7 năm 1959. Nhưng đồng chí Ba Lê nhớ rõ ngày N là ngày mùng 7 tháng 7 năm 1959, giờ G là đúng 7 giờ tối (tức 19 giờ) vì hôm đó là ngày kỷ niệm 5 năm Ngô Đình Diệm lên nắm chính quyền. Vào ngày lễ lớn này của chế độ Sài Gòn, địch sẽ có nhiều sơ hở: từ quan đến lính lo tiệc tùng, nhậu nhẹt... 19 giờ tối là lúc lính gác công đội phiên, bọn đi tuần phía ngoài cũng đổi tuya, bọn cố vấn Mỹ tập trung ăn uống hoặc xem phim; đây là lúc sơ hở nhất của chúng. Đánh vào thời điểm này là đúng lúc nhất. Đánh vào ngày khác, giờ khác sẽ khó khăn gấp bội mà chưa biết kết quả sẽ ra sao.

Chiến công “mở kỷ nguyên Việt Nam” đối với đế quốc Mỹ của trận Nhà Xanh ghi vào lịch sử đất nước một nét son sáng ngời. Từ nhiều năm trước, tỉnh Đồng Nai đã đề nghị Nhà nước xét tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang cho anh Năm Huê. Một số cơ quan phái cán bộ đi tìm quê quán, thân nhân của liệt sĩ, song đáy biển mò kim. Công việc giậm chân tại chỗ. Cả sáu đồng chí trong phân đội đều qua đời trong kháng chiến chống Mỹ, biết ai mà hỏi ? Hai năm trở lại đây, Ban Thi đua thành phố Biên Hòa được giao nhiệm vụ thực hiện nhiệm vụ khó khăn này. Cuối cùng, nhờ đồng chí Tư Văn (Văn Công Văn), người đưa anh Năm Huê đi thoát ly, nay nghỉ hưu ở đường Võ Thị Sáu, thành phố Biên Hòa chỉ dẫn, từ đó phăng thêm nhiều mối khác, chúng ta mới có tư liệu hiếm hoi về tiểu sử người thanh niên hai mươi một tuổi chỉ trong phần nhỏ một giây đã hóa thành tia sét đầu tiên giáng vào bọn xâm lược hung bạo nhất thời đại, để đề nghị Chủ tịch nước truy tặng sau hơn ba mươi năm hy sinh oanh liệt.

Liệt sĩ Nguyễn Văn Huê được truy tặng danh hiệu cao quý Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân vào đúng tháng cuối cùng của năm cuối thế kỷ 20 (tháng 12 năm 2000). Tấm gương hy sinh dũng cảm của anh xứng đáng để thế hệ trẻ noi gương, học tập.

T.P



(ANH HÙNG TRẦN VĂN DANH)

Anh hùng Trần Văn Danh (tức Ba Trần) sinh năm 1923, dân tộc Kinh, quê ở huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đảng viên, nguyên Trưởng ban chỉ đạo xây dựng công trình thủy điện Trị An.

Năm 1945, Trần Văn Danh tham gia cách mạng. Qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, trên nhiều cương vị công tác, đồng chí luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước giao phó. Trần Văn Danh luôn trấn trở trước tình hình đất nước gặp nhiều khó khăn. Đồng chí đã đề ra phương án xây dựng nhà máy Thủy điện Trị An và được chấp nhận. Sau đó, Trần Văn Danh được bổ nhiệm làm Thứ trưởng Bộ Điện lực, kiêm Trưởng ban chỉ đạo xây dựng công trình Thủy điện Trị An. Đây là công trình thủy điện có tác dụng to lớn trong việc phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế văn hóa và phục vụ đời sống nhân dân nhiều địa phương thuộc các tỉnh, thành phố phía Nam. Đồng chí đã dày công nghiên cứu, lặn lội khắp nơi vận động, tập hợp sức người, sức của trong nhân dân, đồng thời tranh thủ sự ủng hộ của bạn bè quốc tế nhất là Liên Xô cũ. Trần Văn Danh luôn thể hiện phẩm chất của người đảng viên Cộng sản lão thành, không quản ngại tuổi cao, sức yếu, có tinh thần trách nhiệm và nhiệt tình công tác, gần gũi và cảm thông với mọi thành viên trên công trình, trở thành tấm gương cho mọi người học tập.

Đồng chí được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng nhất, Huân chương Quân công hạng nhất, Huân chương Kháng chiến hạng nhất, Huân chương Lao động hạng nhất. Ngày 30 tháng 10 năm 1990, Trần Văn Danh được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lao động.

MÙA LƯỢC TRONG CHIẾN TRANH LỪNG DANH TRONG XÂY DỰNG

BÙI THUẬN - QUỐC HOÀN

Làm ra vẻ nghiêm chỉnh thực thi Hiệp định Pa-ri vừa mới ký kết, Mỹ, ngụy buộc lòng

phải đón “phái đoàn Việt cộng” vào tận “thủ đô Sài Gòn” để tham gia vào Ban liên hiệp quân sự bốn bên.

Theo như thỏa thuận, vào ngày 28 tháng 2 năm 1973, máy bay quân sự của Mỹ sẽ đáp xuống sân bay Thiệu Ngôn để đón Đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Sân bay Thiệu Ngôn nằm ở phía bắc Tây Ninh vốn là căn cứ quân sự của một chiến đoàn Mỹ vừa chuyển giao cho quân đội Sài Gòn đã bị bộ đội ta đánh chiếm vào năm 1972 trong chiến dịch Nguyễn Huệ.

Đến giờ hẹn, trực thăng Mỹ không tới đón mà thay vào đó là một phi đội chiến đấu của không quân Sài Gòn lượn quanh rồi ném bom hù dọa. Ngay tức khắc người phát ngôn của Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam lên tiếng phản đối mạnh mẽ hành động lật lọng phản trắc này của Mỹ – ngụy. Đồng thời chúng ta quyết định chuyển sang một điểm hẹn khác đã chuẩn bị trước và đòi Mỹ phải trực tiếp chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho Đoàn đại biểu quân sự Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Điểm hẹn mới là Lộc Ninh, một thị trấn đông dân được mệnh danh là thủ phủ của vùng giải phóng. Ngày 1 tháng 3 năm 1973, ba đợt trực thăng của Mỹ đã đáp xuống sân bay Lộc Ninh để rước đoàn đại biểu ta về Sài Gòn. Đồng bào Lộc Ninh đến đưa tiễn rất đông với cờ, hoa, biểu ngữ giăng đầy và nồng nhiệt chúc mừng đoàn. Trưởng đoàn là trung tướng Trần Văn Trà, các phó trưởng đoàn gồm đại tá Võ Đông Giang, đại tá Đặng Văn Thu (Đoàn Huyện), đại tá Trần Quốc Minh cùng các ủy viên như Nguyễn Văn Sĩ, Nguyễn Văn Hoàn, Dương Đình Thảo, Nguyễn Văn Tông, Nguyễn Văn Tư...

Nhìn chung theo danh sách thông báo cho phía Mỹ về thành phần của phái đoàn ta, thì bộ phận tình báo quân sự Mỹ đều nhận ra hầu hết là... “người quen”, duy chỉ có một người mà chúng hơi ngờ ngợ, đó là đại tá Trần Quốc Minh – Phó trưởng đoàn kiêm Trưởng tiểu ban hai bên. Vì đại tá có dáng người cao to, bề thế này đã gây ra một ấn tượng bất ngờ cho đám quân cảnh Sài Gòn – vốn là những binh lính to, khỏe được chọn để đào tạo thành cảnh sát của quân đội Sài Gòn với nhiệm vụ trấn áp binh lính trốn tránh, đào ngũ hoặc có ý định làm loạn. Thấy phái đoàn đại biểu quân sự của ta hùng hậu, mà vị đại tá, phó đoàn lại phương phi chững chạc, bọn quân cảnh Sài Gòn phải kêu lên:

– Trời ơi ! Việt cộng gì mà to cao mập mạnh và đở au như thế này !

Bị tuyên truyền xuyên tạc bởi bọn tâm lý chiến là Việt cộng ở trong rừng ăn bờ, ngủ bụi lại bị phi cơ Mỹ ném bom Napan, bắn rốc két chết hết rồi, chỉ còn lại vài tên ốm yếu, xanh xao... đến nổi bảy tên Việt cộng leo lên lá đu đủ cũng không gãy... làm đám quân cảnh ra sân bay để “dàn chào” Việt cộng đều không khỏi bất ngờ, sửng sốt. Chừng sức nhớ ra nhiệm vụ được điều ra phi trường Tân Sơn Nhất là để thị uy và làm khó dễ “phái đoàn Việt cộng”, bọn quân cảnh vội xông ra cản đường và la lối, chửi bới. Điều này cũng không nằm ngoài dự kiến của ta, do đó với thái độ hết sức bình tĩnh, đại tá Trần Quốc Minh hích nhẹ trung tá Nguyễn Hữu Trí:

– Đồng chí bước ra hỏi coi bọn này muốn gì ?

Với tướng tá “bặm trợn” và vốn là dân anh chị ở Sài Gòn với danh xưng “đại ca Tư Bốn” trước khi hoạt động bí mật, nên khi Nguyễn Hữu Trí khệnh khạng bước lại trước

mặt tên thiếu tá – đại đội trưởng quân cảnh thì hấn hoảng hét kêu lên:

– Ủa, anh Tư ! Sao anh ở đây ? Bộ anh là Việt... cộng hả ?

Nguyễn Hữu Trí nghiêm giọng:

– Tao là... trung tá tình báo Việt cộng đây !

Tên thiếu tá chỉ huy quân cảnh tui ngưu quay lại phía đám lính:

– Thôi tụi bay để cho anh Tư với mấy ông đi !

ĐẠI TÁ “VIỆT CỘNG” TRẦN QUỐC MINH

Khu doanh trại David của không quân Mỹ nằm sát góc tây nam sân bay Tân Sơn Nhất được thiết lập thành hình chữ V gồm ba dãy nhà gỗ quây lại thành chữ U. Trong lòng có vài biệt thự với đường tráng nhựa chạy giữa các dãy nhà cùng sân quần vợt, bóng rổ, bóng chuyền... Vừa tiếp quản trại David, phái đoàn quân sự hai bên liền phân công nhau khẩn trương bắt tay vào việc đào hầm trú ẩn, công sự chiến đấu và cuộc đất trồng rau, tăng gia sản xuất... với quyết tâm bám giữ xem đây là “vùng giải phóng đầu tiên” của ta tại Sài Gòn như sau này đồng chí Lê Đức Thọ và Phạm Hùng đã nói. Phía các cơ quan tình báo của Mỹ ở Sài Gòn cũng làm việc hết sức cật lực để xác định cho thật đầy đủ lý lịch của “những vị khách” được mời đến “vùng giải phóng của Việt cộng ngay giữa các căn cứ quân sự Mỹ ở Sài Gòn”. Đặc biệt là hàng tuần đều có chuyến bay liên lạc giữa trại David với Bộ Chỉ huy Miền ở Lộc Ninh, đòi hỏi sự theo dõi chặt chẽ và “chu đáo” của bọn tình báo Mỹ. Không lâu sau đó, chúng đã xác định được lai lịch của “Đại tá Việt cộng Trần Quốc Minh” – Phó trưởng đoàn quân sự Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. “Nhân vật” này không xa lạ gì với bọn tình báo, quân báo Mỹ, ngay. Frank Snepp – chuyên gia cao cấp phân tích tin tức tình báo về Cộng sản của chi nhánh CIA ở Việt Nam đã đánh giá nhân vật này là một trong bốn nhà tình báo “gộc” của Việt Nam. Đó là Trần Văn Danh (bí danh Ba Trần), Phó tham mưu trưởng Bộ chỉ huy Quân sự Miền kiêm Trưởng ban tình báo chiến lược, phụ trách công tác tình báo, đặc công, biệt động. Vào đầu tháng 1 năm 1973, tại Sở chỉ huy Miền, chính Ba Trần đã nhận được chỉ thị của Trung ương là cùng với đồng chí Trần Văn Trà bàn bạc chọn nhân sự, phân nhiệm, chuẩn bị tài liệu, phương tiện thông tin liên lạc, dự kiến tình huống bất trắc... để về Sài Gòn tham gia vào Ban liên lạc quân sự bốn bên thực thi Hiệp định Pa-ri. Trong lúc trung tướng Trần Văn Trà tui bụi với những cuộc họp Bộ Chỉ huy Miền để bàn cách phối hợp đấu tranh giữa chiến trường và bàn hội nghị, thì Ba Trần cũng bận tối ngày để chỉ huy thực hiện mọi công việc cho chuyển vào Sài Gòn chẳng biết đến bao giờ mới ra.

Vừa triển khai phương án phòng thủ chiến lược ở trại David xong, linh cảm của một cán bộ tình báo lão luyện mách cho Ba Trần biết là bọn CIA đang ráo riết truy cứu lý lịch của ông và sớm muộn gì chúng cũng sẽ phát hiện lai lịch ông cùng với gia đình. Do đó Ba Trần liền bí mật báo cho vợ là bà Nguyễn Thị Hoa đang sống cùng bốn đứa con ở quê nhà Hóc Môn phải cấp tốc đi vào Khu. Đúng như dự đoán, bà Hoa cùng các con vừa chuyển đi đêm trước thì sáng hôm sau bọn mật vụ, cảnh sát chìm đã ập đến tận nhà.

Đối với cơ quan trung ương tình báo ngay đặt tại số 3 bến Bạch Đằng – Sài Gòn hoặc chi nhánh CIA trong Tòa đại sứ Mỹ hay ngay cả ở phòng 7 bộ tổng tham mưu quân lực Việt Nam cộng hòa do tên đại tá Lê Văn Lương được Mỹ đào tạo thật bài bản về công

tác tình báo trong quân đội... thì hồ sơ về ông Trương ban tình báo Miền có bí danh Ba Trần không phải là ít. Chúng biết khá rõ: Trần Văn Danh sinh năm 1923 tại Hóc Môn. Còn có tên là Trần Văn Ba, bí danh Ba Trần. Hiện đang là Phó tham mưu trưởng Bộ Chỉ huy các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam kiêm Trưởng ban tình báo chiến lược, phụ trách đặc công, biệt động toàn miền Nam.

MẮT NƯỚC MỚI LÀ NHỤC!

Năm nay đã 80 tuổi và đang sống an nhàn trong ngôi biệt thự rộng ở cư xá Bắc Hải nằm trên địa bàn quận 10 – thành phố Hồ Chí Minh, Anh hùng lao động Trần Văn Danh vẫn giữ nguyên được dáng vẻ uy nghiêm và phong độ của một vị tướng đã từng lăn lộn trên mặt trận tình báo, chiến trường và công trường xây dựng nhà máy thủy điện Trị An có quy mô lớn nhất miền Nam thuở nào. Vẫn giữ được phong độ, theo như nhà tình báo Ba Trần cho biết: “Tôi được khen là người có thân hình khỏe đẹp. Tôi ghiền chơi thể thao lắm, nhất là bóng đá. Chỉ khi ra trận thì thôi, chứ lúc ở chỉ huy sở, tôi luôn tranh thủ tập luyện cơ thể và lao động chân tay”. Một nhân vật lừng danh và phong độ như vậy, nhưng lại ít ai biết ông xuất thân từ một hoàn cảnh và một tuổi thơ không phải là êm ả lắm. Anh hùng lao động Trần Văn Danh nhớ lại: “Mẹ tôi (bà Trần Thị Thánh) là người Bến Tre lên Sài Gòn làm cô mụ và gặp cha tôi là con trai một ông Hương cả trong làng ở Hóc Môn. Cha tôi đã có vợ lớn mà ông nội tôi lại là người sống rất nghiêm khắc, nên mẹ con chúng tôi phải đến sống ở một nơi khác. Hàng ngày mẹ tôi thức khuya dậy sớm trồng rau, nuôi heo rồi đi bán hàng rong mới kiếm đủ tiền nuôi sáu đứa con nhỏ, trong đó chỉ có một mình tôi là con trai. Chị em tôi sống khổ cực lắm, ngày nào cũng phải vào rừng mót củi. Khi làm giấy khai sanh tôi phải lấy họ mẹ, nên có tên là Trần Văn Ba. Hồi học lớp nhứt ở thị trấn Hóc Môn, thầy giáo tôi nói: “Con tên Ba, mỗi lần kêu thầy phải nói “Ba ơi”, thôi, con đổi tên thành Bá cho dễ kêu!”. Thế là từ đó tên đi học của tôi là Trần Văn Bá!

Do chuyện lễ giáo mà mẹ con chúng tôi phải sống riêng nhưng cha tôi rất thương chúng tôi và ông hay tìm cách đến thăm. Ông vốn là một cơ sở cách mạng nên khi tôi được 12 – 13 tuổi cha tôi bắt đầu sai tôi bí mật đi rải truyền đơn kêu gọi ủng hộ Đảng Cộng sản Đông Dương.³

Ở Hóc Môn thời bấy giờ phong trào cách mạng âm ỉ, sôi sục. Vừa 16 tuổi, Trần Văn Bá thi đậu vào trường Bá Nghệ – Sài Gòn (nay là trường kỹ thuật Cao Thắng). Thích nghề xây dựng, Bá mua sách Pháp về toán, lý, hóa tự học thêm. Để có tiền đi học ở Sài Gòn, ban ngày Bá lãnh vẽ các mẫu thiết kế xây dựng của các văn phòng kiến trúc sư, buổi tối lại làm thêm nghề cơ khí.

Một buổi chiều, vừa ăn cơm ở Chợ Quán đạp xe về nhà, ngang qua rạp hát Trần Văn Hảo (nay là rạp Công Nhân) cậu học trò trường Bá Nghệ Trần Văn Bá nhìn thấy một cảnh hết sức chướng tai gai mắt: bọn lính Nhật tràn trường như nhộng đang chen nhau tằm trước mặt bàn dân thiên hạ. Vừa bực mình vì cảnh sỉ nhục vừa phải xuống xe dắt bộ

³ Đảng Cộng sản Việt Nam ngày nay

để tránh bọn lính Nhật đang tầm, Trần Văn Bá uất ức nói:

– Nghe nói nước Nhật tự xưng là cường quốc, sao chẳng văn minh chút nào, tầm ở trường.

Không ngờ một tên lính nghe được kêu Bá lại hỏi bằng một giọng tiếng Việt rất sôi:

– Ê thằng nhỏ! Mà vừa nói gì đó?

Trần Văn Bá liền lặp lại câu nói của mình. Nghe xong tên lính Nhật cười mỉa mai:

– Tầm trường không có gì xấu. Mất nước mới là nhục!

Bá giận đến tái mặt. Nhưng chính câu nói của tên lính Nhật đã làm cho cậu học trò Hóc Môn hiểu ra một lẽ: mất nước đúng là nỗi nhục lớn nhất!

Nỗi căm thù giặc còn đang âm ỉ trong lòng Trần Văn Bá thì lại thêm một “cú sốc” nữa giáng xuống: Nhật đảo chánh Pháp, trường Bá Nghệ bị đóng cửa, Bá đành phải quay về lại Hóc Môn. Năm 18 tuổi, chàng trai mang nỗi nhục mất nước lại còn phải bị bắt đóng thuế thân. Lòng căm thù bọn cướp nước cứ thế sôi sục trong huyết quản Trần Văn Bá. Vì vậy vào tháng 7 năm 1945, Bá tham gia vào tổ chức Thanh niên Cứu quốc đang còn hoạt động bí mật. Hưởng ứng cuộc Cách mạng Tháng Tám, Bá cùng lực lượng Thanh niên Cứu quốc đứng ra cướp chính quyền ở Hóc Môn rồi vận động quần chúng kéo về trung tâm thành phố Sài Gòn để biểu dương lực lượng.

Sau đó Pháp tái chiếm Nam Bộ. Hóc Môn là cái “ổ Cộng sản” mà chúng phải điều động quân đến để dẹp. Trước sự tấn công ác liệt của giặc Pháp, lực lượng cách mạng ở Hóc Môn được lệnh phải tạm thời phân tán. Trần Văn Bá liền gia nhập vào Đội trinh sát của Khu 7, và bắt đầu cuộc chiến đấu với giặc Pháp khắp chiến trường miền Đông Nam Bộ. Trong đó có địa bàn Sài Gòn – Chợ Lớn mà người chiến sĩ trinh sát vốn là cựu học sinh trường Bá Nghệ rành rẽ từng con hẻm, từng con rạch... Để nhớ đến tên mình là Trần Văn Ba và cũng là người con thứ ba trong gia đình, Bá lấy bí danh là Ba Trần.

Sau những chiến công hết sức táo bạo và dũng cảm, chiến sĩ trinh sát Ba Trần được kết nạp vào Đảng Cộng sản. Ba Trần đề nghị được lấy tên Trần Văn Danh để ghi vào hồ sơ đảng tịch. Ba Trần hay cùng nhóm quân báo đi về Bửu Long một làng ven sông Đồng Nai sát thị xã Biên Hòa – là nơi đang bị quân Pháp tạm chiếm và đặt các cơ quan hành chính, quân sự của chính quyền tay sai. Bọn Pháp phát hiện được, biết là khi trời tối thế nào đám quân báo của Việt Minh cũng sẽ về liền đem lính phục kích. Một bác nông dân là cơ sở cách mạng nhận ra được mối nguy hiểm chết người này đã chờ cho đám quân báo sắp đến, xách cây đèn dầu giả bộ như đi soi ếch để bước vào ổ phục kích của giặc. Bọn lính Pháp đang nằm dưới ruộng bị một ông già đi soi ếch đạp lên đầu, giận quá đứng bật dậy chửi bới om sòm. Thế là đằng xa, nhóm quân báo Việt Minh thoát êm. Một lần nọ ở ngay thị xã Biên Hòa, nhóm quân báo cùng với Ba Trần sắp bị địch bao vây mà không biết. Thấy vậy một bà mẹ bán hàng bảo đứa con chạy trước, còn bà cầm roi chạy theo, cùng chạy về phía nhóm quân báo đang trú quân. Lúc chạy qua, bà không chửi bới đứa con nữa mà la lên:

– Các chú đi mau lên! Bọn hiến binh, biệt kích sắp đi tới bao vây rồi đó!

Nhờ gan dạ xông xáo khắp nơi và cũng được sự chở che, đùm bọc của đồng bào, năm 1949 Ba Trần được đề bạt làm Tham mưu phó kiêm Trưởng ban quân báo liên tỉnh Thủ

– Biên. Ở cương vị này, Ba Trần lại càng phát huy khả năng đặc biệt của mình trong

nhiệm vụ. Và vì vậy đến năm 1954, Ba Trần đã trở thành Phó Chính ủy kiêm Bí thư Trung đoàn ủy của một đơn vị bộ đội lừng lẫy những chiến công đánh Pháp ở miền Đông Nam Bộ: Trung đoàn 556. Nhưng cũng vào thời điểm này thì có lệnh “đình chiến” và Phó chính ủy Ba Trần được lệnh tập kết ra Bắc. Sau đó, Ba Trần được phong quân hàm thiếu tá. Từ một anh thanh niên cứu quốc đánh giặc bằng tầm vông vạt nhọn, nay trở thành sĩ quan “Bộ đội Cụ Hồ”, thiếu tá Trần Văn Danh cảm thấy vô cùng vinh dự. Nhưng một nhiệm vụ cũng hết sức nặng nề được giao cho người đã từng chín năm xông pha trong đạn lửa, đó là phải nỗ lực học tập thật tốt để về giải phóng miền Nam.

Trần Văn Danh được học văn hóa trở lại. Và sau đó được chọn vào học trường An ninh. Đặc biệt là được đào tạo bài bản về công tác tình báo, mà người sĩ quan miền Nam này có khá nhiều kinh nghiệm thực tiễn. Hết sức chuyên cần trong học tập, nhưng cũng vô cùng nghiêm túc trong lối sống. Là “đứa con miền Nam ruột thịt” được nhân dân miền Bắc hết sức chăm sóc, đùm bọc, một thiếu tá Quân đội nhân dân Việt Nam trẻ tuổi, đẹp trai, cao ráo, sống xa nhà, Trần Văn Danh được nhiều cô gái Hà Thành đem lòng thương mến sẵn sàng sẽ gôi chia chẵn. Nhất là những cô em gái của các bạn học viên mà những ngày nghỉ cuối tuần anh có dịp đến nhà chơi rồi gặp gỡ, tiếp xúc. Thế nhưng Trần Văn Danh vẫn sắt son, chung thủy, hướng về quê nhà nơi có người phụ nữ tên Nguyễn Thị Hoa vừa phải nuôi dạy con vừa tham gia công tác cách mạng. Nguyễn Thị Hoa là một cán bộ binh vận có nhiều thành tích xuất sắc. Năm 1946 chị được cử vào chiến khu để báo cáo công tác. Hai người vừa gặp nhau đã quyến luyến thương yêu và quyết định báo cáo với cơ quan hai bên. Một lễ tuyên hôn đơn sơ nhưng đầm thắm giữa Trần Văn Danh với Nguyễn Thị Hoa được tổ chức trong sự mừng vui tràn ngập tình cảm đồng chí, đồng đội.

“Ngày Bắc đêm Nam” như thế, thấm thoát đến sáu năm. Vào cuối năm 1960 Trần Văn Danh được lệnh vượt Trường Sơn để về miền Nam chiến đấu. Những ngày cuối cùng trước khi rời miền Nam, Trần Văn Danh cứ như bị thôi thúc bởi lời dặn dò của Bí thư thứ nhất Lê Duẩn khi đồng chí thăm đoàn cán bộ đang chuẩn bị về Nam: các đồng chí ra Bắc đã học tập tốt, nay nhanh chóng về Nam cùng các đồng chí trước đây ở lại tổ chức quần chúng nổi dậy, lôi kéo binh lính địch, chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà. Hiện nay chúng ta vẫn còn một cái nhục, là “nhục mất nước”.

Trần Văn Danh nhủ thầm là phải trở về miền Nam càng sớm càng tốt để cùng chiến sĩ, đồng bào hoàn thành công cuộc giải phóng miền Nam. Con đường trở lại chiến trường miền Nam cực khổ muôn vàn vì đây là đoàn tiền trạm, có lúc người chiến sĩ to lớn, vạm vỡ như Ba Trần còn bị viêm phổi nặng đến nỗi anh nghĩ mình khó lòng mà qua khỏi. Khi đến được vùng sông Re (thuộc tỉnh Quảng Nam bây giờ) đoàn cán bộ về Nam gần như chơi vơi vì sốt rét, bệnh tật và... cái đói cứ đe dọa từng ngày. Đói quá, Ba Trần bèn lấy một bộ bà đen của mình để đổi cho bà con người dân tộc lấy một con chó làm thịt. Vừa lúc đó, anh em trạm giao liên mang đến cho Ba Trần một lon thịt heo. Cảm trên tay lon thịt heo đã có mùi hôi do không có muối ướp, Ba Trần thấy “đề thì vương, mà quăng thì tiếc” nên nảy ra sáng kiến là đem thịt chó còn lại trộn chung với thịt heo rồi cùng đề dành. Hôm sau, Ba Trần mở hộp thịt ra thì phát hiện được một chuyện thú vị là thịt heo không còn mùi hôi nữa! Cả đoàn đều nức nở khen sáng kiến: “dùng một chất đậm đặc

biệt trong thịt chó để khử mùi hôi của thịt heo” của Ba Trần đã làm cho anh em trong đoàn nhiều ngày liền sau đó có được “thức ăn tươi” để cải thiện.

Đoàn cán bộ quân sự đầu tiên từ miền Bắc về Nam tìm được đường vào căn cứ Trung ương Cục đều đã đói rách bệnh tật đến thảm hại. Thế nhưng ngay sau đó lại trở thành cái vốn quý để thành lập Ban Quân sự Miền do đồng chí Trần Văn Quang được cử làm Trưởng ban. Ba Trần được phân công làm Trưởng ban tình báo chiến lược trực thuộc Ban Quân sự Miền. Nhận nhiệm vụ, việc đầu tiên Ba Trần phải làm là bắt tay xây dựng lại ngành tình báo cách mạng bằng cách tuyển chọn cán bộ từ ban địch tình. Vì sau bảy năm từ khi Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết, với chính sách tố Cộng vô cùng dã man, chính quyền Ngô Đình Diệm đã bắt giết, bỏ tù hàng loạt cán bộ làm cho lực lượng tình báo cách mạng gần như tan rã, tê liệt hoàn toàn. Mưu trí hơn, Ba Trần cho tổ chức điều nghiên và lợi dụng sự sơ hở của địch do mâu thuẫn nội bộ để giải cứu các cán bộ tình báo đang bị giam cầm rồi bố trí hoạt động trở lại. Sau đó, Ba Trần đã từng bước “cài” được các chiến sĩ tình báo vào các cơ quan đầu não của Mỹ, ngụ như: dinh Độc Lập (Phủ tổng thống ngụ), Tòa đại sứ Mỹ ở Sài Gòn, bộ tổng tham mưu quân lực Việt Nam Cộng hòa, cơ quan đặc ủy trung ương tình báo, bộ tư lệnh hải quân ngụ, bộ tư lệnh Đệ nhất Hạm đội Hoa Kỳ... Qua đó, Ban tình báo chiến lược đã thu thập, khai thác được nhiều thông tin tối mật của địch kịp thời cung cấp, phục vụ cho việc chỉ đạo chiến tranh của Quân ủy và Bộ Chỉ huy Miền, Trung ương Cục và Bộ Chính trị Trung ương Đảng. Vai trò chỉ đạo tình báo chiến lược của Ba Trần rất quan trọng. Căn cứ vào tình hình quân sự, từng thời kỳ, nhiều đồng chí thay đổi nhiệm vụ công tác, nhưng cương vị Trưởng ban tình báo chiến lược vẫn do Ba Trần đảm trách. Có lúc Ba Trần được đề bạt làm Phó tham mưu trưởng Ban Quân sự Miền, nhưng ông vẫn phải trực tiếp phụ trách tình báo, đặc công, biệt động.

“BA ÔNG GIẢI PHÓNG HAI BÀ”

Không phải chỉ lừng danh trong hoạt động chỉ huy tình báo, Ba Trần còn là người trực tiếp chỉ huy trận mạc rất kiên cường, táo bạo. Trong chiến dịch Phước Long chuẩn bị mở màn cuộc Tổng tiến công mùa xuân đại thắng 1975 đã xuất hiện một giai thoại khá thú vị là: “Ba ông giải phóng hai bà”. Trong chiến dịch này Ba Trần được giao trực tiếp chỉ huy trận đánh chiếm núi Bà Đen, một trung tâm viễn thông chiến lược quốc tế, thu tin mã thám và là đài không lưu thông báo cho B52 cùng các loại chiến đấu cơ của địch bay đi oanh tạc ở miền Bắc và hai nước Cam-pu-chia, Lào trên bán đảo Đông Dương; cùng lúc thực hiện nhiệm vụ thứ hai là thu hút hỏa lực của lữ đoàn 81 biệt kích dù, các phi đội chiến đấu F5E của quân đoàn 3 ở Biên Hòa, sư đoàn 25 bộ binh ngụ...

Trước khi bước vào đợt hai mùa khô năm 1975 theo nhận định chung của Bộ tổng tư lệnh, tình hình quân địch ở chiến trường B2 đã có một số thay đổi. Cái đau nhất của Mỹ, ngụ là công việc bình định, mà chúng đã bỏ ra công sức và tiền của, đến lúc ấy đã bị thất bại nặng nề. Thất bại rõ nét nhất lại là ở đồng bằng sông Cửu Long nơi đông dân và giàu có mà chúng mong làm chỗ dựa cuối cùng. Sau khi đã cố sức mở các cuộc hành quân tái chiếm và giải tỏa trong tháng Giêng ở biên giới Kiến Tường - Chợ Gạo - Mỹ

Tho, Thầy Phó - Trà Vinh, Thới Bình - Cà Mau, khu vực Rạch Giá đi Hà Tiên mà không có kết quả, còn bị thiệt hại. Ở đồng bằng địch phải chuyển qua chuẩn bị để chống lại đợt tấn công mới của ta mà chúng dự đoán là vào trước dịp Tết âm lịch (khoảng 10 tháng 2). Ở miền Đông Nam Bộ chúng định tập trung quân cố đánh chiếm trở lại thị xã Phước Long bằng “Chiến dịch 271” nhưng không thành vì bị đánh khắp nơi, không tập trung được lực lượng đủ sức. Trước tình thế ấy, chúng xoay sang với nỗ lực rất cao để chiếm lại núi Bà Đen - một vị trí thiết yếu, không những phục vụ cho việc phòng thủ miền Đông Nam Bộ, Sài Gòn mà còn để bảo vệ cho Cam-pu-chia - Phnôm-pênh của chính quyền ngụy Lon-non nữa. Từ ngày 20 đến ngày 26 tháng Giêng, quân đoàn 3 ngụy có đại biểu của bộ tổng tham mưu tham dự đã sử dụng lực lượng của tiểu khu Tây Ninh và sư đoàn 25 với sự yểm trợ cao của pháo binh (bình quân bắn trên 6.000 quả/ngày) và phi cơ (84 lần chiếc/ngày), đánh phá vào khu vực núi hết sức ác liệt. Chúng đã dùng 29 trực thăng đổ quân nhiều đợt cố chiếm lại cứ điểm trên đỉnh núi nhưng đều bị ta đánh trả quyết liệt, bị thiệt hại nhiều sinh lực, mất nhiều phi cơ và trực thăng. Không những thế, qua theo dõi tin tình báo và lực lượng trinh sát mặt đất nắm được: để chuẩn bị đánh chiếm núi Bà Đen, Mỹ - ngụy còn tập kết một số máy bay trực thăng cùng với xung lực ở Bản Kéo cách đó không xa để chở quân đổ bộ. Chớp thời cơ, đêm 25 tháng Giêng năm 1975 (nghĩa là trước chưa tới một ngày địch khởi sự), Trần Văn Danh đã kịp thời chỉ đạo tập trung hai khẩu pháo 105 ly và sáu khẩu cối 61ly. Vào lúc 03 giờ sáng dồn dập nã đạn vào bãi đỗ máy bay của đối phương. Bị giáng trả bất ngờ, địch không kịp trở tay đối phó. Phần lớn máy bay bị phá hủy và nhiều quân lính bị đèn tội. Qua hai đợt tấn công cả phía sau và phía trước của ta, kết cục địch đành nhận thất bại cay đắng, lui về phòng thủ Tây Ninh.

Đồng chí Trần Văn Trà (Tư Chi) Tư lệnh Miền đã đánh giá như sau : Thắng lợi rất có ý nghĩa của mặt trận tấn công chiếm vị trí núi Bà Đen và giữ vững vị trí trước sự phản kích quyết liệt của địch là một chiến công hết sức rực rỡ của một đơn vị nhỏ mà tinh nhuệ của ta. Đó là tiểu đoàn trinh sát 47 trực thuộc Bộ Tham mưu Miền, được tăng cường hai đại đội đặc công của Trung đoàn 429, một đơn vị súng máy cao xạ và một đơn vị cối, tất cả chỉ vỏn vẹn 300 cán bộ và chiến sĩ. Hiểu rõ vị trí của trận đánh, Bộ Tư lệnh Miền đã chỉ định đồng chí Ba Trần, Tham mưu phó Miền trực tiếp chỉ huy, các đồng chí Huỳnh Ninh và Chín Lộc, trưởng và chính trị viên Phòng 2, phải thông qua phương án tác chiến và các đồng chí Huỳnh Ninh, Phó phòng 1, đồng chí Hải trưởng ban trinh sát trực tiếp chỉ huy trận đánh. Đêm 3 tháng 12, đơn vị tấn công từ 3 hướng. Hướng tây nam là mũi chính do đồng chí Tô làm mũi trưởng, đồng chí Thăng làm mũi phó cùng 5 chiến sĩ đã thọc thẳng vào trung tâm cứ điểm, tiêu diệt nhiều sinh lực địch. Nhưng quân địch được phi cơ và trực thăng chi viện đã phản kích và giữ được vị trí. Toàn tổ hy sinh anh dũng. Được chỉ đạo của trên, đơn vị chuyển qua bao vây đánh lán, chặt đứt mọi nguồn tiếp tế, không cho một trực thăng nào đổ bộ được. Quân địch nguy khốn buộc phải rút chạy vào cuối tháng 12 nhưng bị diệt và bị bắt sống gần hết. Vì là một cứ điểm quan trọng, được trang thiết bị hiện đại để quan sát từ xa khắp vùng rộng lớn và chuyển tiếp truyền tin cho cả hai chiến trường Việt Nam và Cam-pu-chia nên cả bộ tổng tham mưu và quân đoàn 3 ngụy quyết tâm chiếm lại cho kỳ được căn cứ núi Bà

Đen bằng những trận đánh phá vô cùng ác liệt. Nhưng đơn vị trinh sát đặc công nhỏ của ta đã thắng một lực lượng binh chủng hợp thành của địch, lớn hơn ta gấp cả hàng chục lần. Sự thắng lợi ở đây là của cả thể và lực, của cả sự khôn khéo và trí thông minh, lòng dũng cảm và kỹ năng chiến đấu, của ý chí và quyết tâm, của sự chịu đựng khó khăn, gian khổ và sự hy sinh quên mình vì nghĩa lớn của dân, của nước. Phải chăng trên ý nghĩa này, trận đánh là một hình ảnh thu nhỏ của toàn bộ cuộc chiến tranh giải phóng của ta chống lại đế quốc Mỹ : ít đã thắng nhiều, nhỏ đã thắng lớn, tài trí và nghĩa nhân đã thắng vũ phu và cường bạo, chính đã thắng tà, trận đánh càng có giá trị vì nó diễn ra vào giai đoạn cuối của cuộc chiến tranh, bịt tai mắt của địch cho ta chuẩn bị tấn công vào sào huyệt của chúng” (Thượng tướng Trần Văn Trà: Cuộc chiến đấu 30 năm – trang 210).

Toàn bộ những hoạt động này nhằm phối hợp với cánh quân của đồng chí Năm Ngà (Nguyễn Minh Châu) đang đánh Tánh Linh – Võ Đắc kèm chế sư đoàn 18 bộ binh ngụy và ngăn chặn không cho các lực lượng của địch yểm trợ Phước Long. Phước Long chính là trận địa của Quân đoàn 4 do đồng chí Năm Thạch (Hoàng Cầm) chỉ huy. Nhờ hợp đồng tác chiến chặt chẽ giữa “ba ông” Hoàng Cầm – Nguyễn Minh Châu – Trần Văn Danh giải phóng nhanh gọn hai cứ điểm “hai bà” là Bà Đen – Bà Rá ta đã giành thắng lợi trong chiến dịch Phước Long có ý nghĩa rất quan trọng là lần đầu tiên ta giải phóng hoàn toàn một tỉnh. Đặc biệt chiến thắng Phước Long là cơ sở giúp Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương khẳng định Mỹ không dám đưa quân tham chiến nữa để từ đó có kế hoạch tác chiến giành thắng lợi quyết định, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Đứng về phía địch, việc mất tỉnh Phước Long đã trở thành bi kịch. Đại tá Phạm Bá Hoa – tham mưu trưởng tổng cục tiếp vận ngụy đã phải cay đắng cho rằng: cái chính là thất bại Phước Long đã nói lên thế và lực của quân đội Việt Nam Cộng hòa chỉ mới bị đánh một điểm mà đã không còn lực lượng đối phó, hỏi bị đánh nhiều nơi thì sẽ ra sao? Phước Long là sự kiện nói lên khá rõ hiệu quả chiến lược “Việt Nam hóa” đã thực hiện trong sáu năm qua. Trước đây quân đội Việt Nam Cộng hòa qua được nhiều hiểm nghèo là nhờ vào cứu viện của Hoa Kỳ. Họ đã cung cấp đầy đủ mọi trang bị bù đắp tổn thất, đã chi viện hỏa lực hùng hậu, mạnh mẽ thậm chí cả xung lực mới đủ sức chống đỡ. Nay trước thất bại đau đớn, mất cả một tỉnh mà Mỹ vẫn làm ngơ, mặc dầu ông Thiệu đã nhiều lần gặp Martin yêu cầu Mỹ can thiệp. Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa cũng đã chính thức gửi công hàm, rồi khuyến cáo điện đàm trực tiếp với Smith (Trưởng cơ quan D.A.O) tất cả đều là con số không...

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, với kế hoạch giải phóng Sài Gòn được Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương thông qua ngày 24 tháng 4 năm 1975, Ba Trần có nhiệm vụ chỉ huy lực lượng đặc công và biệt động bí mật chiếm giữ trước và bảo vệ an toàn 16 cây cầu dẫn vào Sài Gòn để mở đường cho các cánh đại quân. Bên cạnh đó lực lượng đặc công và biệt động do Ba Trần chỉ huy còn phải đảm nhận việc “lót ổ” đánh chiếm trước hoặc ngăn chặn không để cho địch phá hoại trước khi chúng hoàn toàn thất thủ các mục tiêu hết sức quan trọng là: kho xăng, nhà máy điện, nước, kho quân lương, khu vực lưu trữ hồ sơ mật của đặc ủy trung ương tình báo ngụy... Và Ba Trần đã cùng với chiến sĩ, đồng đội hoàn thành nhiệm vụ một cách xuất sắc. Ngay vào lúc gần 1 giờ khuya đêm

30 tháng 4 năm 1975, giữa Sài Gòn vừa được giải phóng, trước sự có mặt của đồng chí Trần Văn Trà – Tư lệnh Miền, đồng chí Phạm Hùng – Bí thư Trung ương Cục đã trình trọng tuyên bố:

– Bây giờ thắng lợi rồi, anh Trần Văn Danh đã hoàn thành nhiệm vụ. Thay mặt Bộ Chính trị, tôi công bố : thăng đồng chí Trần Văn Danh hàm thiếu tướng, nhận nhiệm vụ Phó chủ tịch Ủy ban Quân quản thành phố về an ninh và quốc phòng, kiêm Tư lệnh Bộ Tư lệnh thành phố Sài Gòn – Gia Định (Từ tháng 7 năm 1967 theo quyết định của Quốc hội nước Việt Nam thống nhất, hợp kỳ thứ nhất, thành phố Sài Gòn – Gia Định mang tên là thành phố Hồ chí Minh).

ĐÁNH THỨC CHIẾN KHU Đ KHOI NGUỒN ĐIỆN SÁNG

Năm 1978, sau khi thôi giữ chức Tư lệnh lực lượng vũ trang thành phố đồng chí sang làm Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Là một nhà tình báo, ông luôn coi trọng mọi hồ sơ tài liệu. Trên cương vị của mình, nhân lúc phân loại các hồ sơ mật của chính quyền Sài Gòn để lại. Qua nghiên cứu phân tích nhiều loại, nào là quân sự, kinh tế, chiến tranh tâm lý, may mắn thay, trong số đó ông bắt gặp sơ đồ thiết kế công trình thủy điện Trị An. Chưa biết trong ấy họ nói những gì chi tiết nhưng chắc chắn đó là điều mà xã hội đòi hỏi cấp thiết.

Tình hình đất nước vào thời điểm ấy nói chung, các tỉnh phía Nam nói riêng, trong đó có thành phố mang tên Bác thiếu điện trầm trọng. Điện ưu tiên cho sản xuất cũng hằng hụt, nhiều hoạt động khác phải ngưng trệ. Còn điện sinh hoạt cho dân thì cực kỳ khó khăn.

Đồng chí Ba Trần kể lại : thế rồi trong lúc phân loại các tài liệu, gặp được bản đồ án thiết kế ấy tôi mừng không sao tả xiết. Mừng, nhưng chưa dám nói với ai, bởi quy mô công trình nó lớn quá, nếu đầu tư công, của không đơn giản chút nào. Trong khi đó tình hình đất nước còn cực kỳ khó khăn, vả lại mình vốn là một người lính chủ yếu quen với trận mạc. Khả năng kiến thức về xây dựng công trình tầm cỡ quốc gia như thế đòi hỏi kỹ năng khoa học cao mới đủ lý luận và thực tiễn để thuyết phục... Vì vậy, liệu mình trình bày có được sự đồng tình ủng hộ hay lại trở thành hài hước, đàm tiếu cho thiên hạ thì... chưa lắm ! “Chua” ở đây không phải số đồng tình nhiều hay ít, tỷ lệ cao hay thấp, điều đó cũng là chuyện bình thường. Song cái quan trọng hơn ở chỗ bản lĩnh, trí tuệ được thể hiện trách nhiệm công dân với đất nước, quê hương. Mỗi lần đi sâu nghiên cứu bản đồ án như có sức ma lực thu hút tâm trí ông.

– Phải đề xuất chính kiến của mình với tập thể càng sớm càng hay. Nếu được, càng ích lợi cho xã hội - có sao đâu ? - Ông nghĩ thế. Hơn nữa, chế độ cũ trước đây họ cũng đã có ý đồ làm hệ thống công trình thủy điện thượng nguồn sông Đồng Nai rồi kia mà. Họ còn chia làm nhiều hạng mục : thủy điện Đồng Nai 1, thủy điện Đồng Nai 2 rồi thủy điện Đồng Nai 3 và cả đập thủy điện Sông Hinh ở ngoài Bình Thuận. Tuy nhiên, thủy điện Đồng Nai 1 - tức là khu vực công trình Trị An bây giờ có tính khả thi hơn cả. Song vì chiến tranh, mà đập lại nằm sâu trong chiến khu Đ do ta kiểm soát gắt gao, nên họ còn lo ngại chưa triển khai được.

Thế rồi, trong một hội nghị Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh lần thứ 4 khóa 3 năm

1984, ông trình bày luận điểm của mình với cơ quan lãnh đạo cao nhất của thành phố. Tuy nhiên cũng có những ý kiến tranh luận qua lại, phân tích để thêm sáng tỏ. Song, cơ bản nhất trí rất cao. Đặc biệt đồng chí Võ Văn Kiệt, trên cương vị là Ủy viên Bộ Chính trị - Bí thư Thành ủy tỏ vẻ rất phân chấn. Đồng chí Bí thư Thành ủy còn nói trước cuộc họp :

– Để tôi ra Hà Nội báo cáo với Trung ương Đảng, Bộ Chính trị và Chính phủ. Nếu được cấp trên chấp thuận thì đưa anh đi nghiên cứu có được không ?

Tôi trả lời anh Sáu :

– Cái đó thì tùy trên định liệu, nếu được tôi cũng sẵn sàng vào trận mới.

Tất cả cử tọa vang lên một tràng pháo tay rất sôi nổi, thêm cả tiếng cười rộn ràng. Có người còn nói vui :

– Chất lính của vị tướng còn đậm đà lắm, hừng hực như đang giữa trận tiền vậy.

Sau chuyến ra Hà Nội của đồng chí Bí thư Thành ủy, Trung ương và Chính phủ đã đồng ý căn bản đề nghị của thành phố Hồ Chí Minh. Thế là, bước đầu về mặt pháp lý đã có cơ sở. Điều quan trọng là tìm người chỉ đạo, điều hành.

Có lần anh Sáu Dân (Đồng chí Võ Văn Kiệt) gặp tôi, gợi ý :

– Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố rà soát để cử người chủ trì công trình mà chưa tìm được ai. Ngoài Trung ương cũng thế chưa chọn được ai cả. Mấy ông còn nói trong này nhắm người rồi báo cáo cho họ biết. Anh Sáu khêu gợi :

– Anh nên làm anh Ba à. Anh nói vậy chắc anh làm được và làm tốt là đằng khác – tôi tin tưởng sẽ là như vậy. Anh trực tiếp chỉ đạo luôn – tội này sẽ cùng sát cánh và nhờ cả Trung ương, Chính phủ hỗ trợ tối đa, anh cứ yên tâm đi. Nói rồi, anh bắt tay tôi rất chặt, tỏ vẻ hớn hờ và hết sức cởi mở thân tình như những ngày gian khổ trước đây.

Tính ông mình biết, đã nói là làm, mà làm phải tới nơi, tới chốn, không lơ mơ được đâu. Trên đã gửi gắm niềm tin thì người lính già này cũng phải dốc lòng dốc sức còn lại để phụng sự đất nước chớ sao. Ba Trần này nghĩ vậy và như thấy mình phân chấn, rạo rục chờ ngày bắt tay vào công việc mà chưa thể lường hết chông chát từng khó khăn. Và sau đó ít lâu, ông được Trung ương, Chính phủ điều động sang làm Thứ trưởng Bộ Năng lượng kiêm Trưởng ban chỉ đạo xây dựng công trình thủy điện Trị An.

Một buổi chiều sau ngày làm việc căng thẳng, dưới bóng cây xanh trong khuôn viên nhà riêng của vị lão tướng. Bên chiếc bàn trà, hai người bạn tâm giao mái đầu đều đã điểm màu thời gian. Trông họ nền nã, nho nhã thanh cao và đều cùng chung lo cho dân cho nước. Họ đã cùng toàn quân, toàn dân làm nên lịch sử và giờ đây đang nặng lòng vì tương lai dân tộc, đất nước vậy. Hai con người đang hiện hữu ấy chính là hai lão đồng chí Võ Văn Kiệt và Ba Trần.

- Tôi thấy công việc sắp tới nặng nề dữ dằn đó anh Ba ! Mở đầu câu chuyện của Bí thư Thành ủy như vậy. Với phong thái ung dung đầy tin tưởng, Trần Văn Danh đáp lại :

- Vâng, tôi cũng nghĩ như thế ! Mà tôi hình dung cả công trường là một tập đoàn cứ điểm anh Sáu à, lần lượt trước sau rồi cũng phải giải quyết. Có điều, mục tiêu nào thì dùng quân chủ lực mạnh, mục tiêu nào thì dùng quân địa phương và chỗ nào thì sử dụng dân quân du kích và chỗ nào nữa thì dùng lực lượng quân chúng nổi dậy bức hàng, bức rút... Cuối cùng là tổng công kích giải phóng cho kỳ được theo ý đồ cấp trên. Vị tướng

Ba Trần đang dẫn dụ, Bí thư Thành ủy xen vào : Anh làm như cánh tui mình đang ở tại đại bản doanh của Sở Chỉ huy chiến dịch năm 1975 đại thắng mùa xuân vậy. Cả hai cùng cười sảng khoái làm đôi chim cu trên cành cây đang gáy cũng dừng lại, xoay xoay trong chiếc lồng nhỏ bé xinh xinh rồi nghiêng cái mỏ đỏ như quả ớt ngơ ngác nhìn. Qua cuộc trao đổi ngắn cả hai chia tay nhau khi trời vừa xẩm tối, thành phố đã lên đèn tưng tưng lúc nào. Chiếc xe con đưa vị lãnh đạo cao nhất thành phố chạy vòng trong cái không gian náo nhiệt người xe qua lại nhưng cũng hết sức bức bối. Đó là cảnh đàn ông, đàn bà, trẻ con, người lớn đua nhau chồi ra đứng, ngồi, đi lại bên hè phố để hưởng cơn gió trời. Ai có nhà lầu thì kéo nhau lên sân thượng bởi không thể chịu nổi cái ngột ngạt vì thiếu điện. Những cảnh ấy đập vào mắt, làm ông không thể không lấy làm ái ngại, động lòng. Bà Nguyễn Thị Hoa, người vợ hiền thực của ông Ba Trần đã sắp sẵn bữa tối chờ chồng để cùng ăn và vừa để có những giây phút chuyện trò. Theo bà, đó là giờ phút đầm ấm, hạnh phúc của cuộc đời làm vợ khi tuổi tác đã về chiều. Những năm trẻ trung ông ấy dành cho đất nước, trận mạc, một mình vò võ chờ chồng với bao nỗi âu lo và chăm sóc phụng dưỡng mẹ già nuôi con khôn lớn. Không ít lần bà liên tưởng đến mấy câu thơ của một chiến sĩ Hồng quân Xô Viết trong cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại gửi cho người thiếu phụ mà lòng như se lại :

Nếu chiến thắng về không thấy bóng anh

Em hãy nhìn lên sắc cờ kiêu hãnh !

Ôi ! Nếu hoàn cảnh ấy rơi vào mình liệu có đủ can đảm đứng vững thờ chồng, nuôi con hay gục ngã trước số phận ? Nhiều khi bà muốn gạt ra khỏi tâm trí những suy nghĩ vẩn vơ đó của mình. Rồi chồng bà, người bạn đời chung thủy trải qua binh đao trận mạc còn mạnh khỏe bình an trở về. Giờ đây dù bữa cơm còn đạm bạc, rau dưa như cái thuở hàn vi. Nhưng với bà, đó là niềm vui bất tận không có gì sánh nổi. Thấy vợ ăn có phần uể oải, ông Ba Trần động viên :

– Ăn đi chớ bà, hay là để nhường phần cho tôi vậy? Nghe nhắc mình, bà Hoa như sực tỉnh. Hóa ra bà đang liên tưởng về những chuyện thuở nào.

– À, à, mời ông cứ dùng đi, hôm nay thấy mình dùng ngon miệng, tôi mừng lắm.

– Thì tôi cũng đang ăn đây nè. Tôi ăn được, bà vui ha ! Mà bà ăn được, tôi còn mừng hơn đó nghen, bà biết không ?

Cả hai cùng cười rất vui. Cũng nhân dịp này, bà Hoa cũng thổ lộ điều từ lâu bà ấp ủ trong lòng :

– Mình à, tôi muốn nói với mình điều này. Bà nhấp ly nước trên tay còn vương khói, nhẹ nhàng lên tiếng :

– Đất nước mình đã yên bình, mình cũng nên dành thời gian để nghỉ ngơi với chớ. Thấy mình tối ngày cứ vùi đầu vào công việc, chủ nhật cũng chẳng ngơi nghỉ thì... e rằng... E rằng bỏ bà một mình chớ gì ? Hừm, cái ông quý này, tôi thương mình nói thực lòng mà mình lại cứ giỡn hoài. Trẻ trung gì nữa, con cái nó cười cho.

– Ừa, bà nói tôi cũng chịu nhưng mà mình còn khỏe, phục vụ nhân dân đến đâu thì đưa hết khả năng. Đến một lúc nào đó không còn sức lực thì lớp con cháu nó đảm nhiệm chớ sao bà – ông Ba giảng giải cho vợ vậy.

– Nhưng tôi thương mình mới nói chuyện vậy, ông nên giữ gìn sức khỏe cho tôi được

nhờ. Chớ ông có mệnh hệ gì thì... tội nghiệp lắm đó !

Nghe vợ nói ông càng cảm kích, bao năm giặc dã cứ lo canh cánh bên lòng, giờ đất nước hòa bình vẫn chưa hết nỗi lo cho chồng, ông cảm thấy mình tốt phúc mới gặp được người bạn đời chu đáo đến như vậy.

Theo Thiếu tướng Trần Văn Danh : thành công nhất trước hết là được các đồng chí Trung ương đồng tình và ủng hộ mạnh mẽ. Ở phía Nam này, lúc ấy không những đồng chí Võ Văn Kiệt – Bí thư Thành ủy mà còn có các đồng chí Phạm Hùng, Nguyễn Văn Linh... cổ vũ rất nhiệt tình. Tiếp đó tôi đề nghị cấp trên cho tiếp xúc làm việc với các đồng chí Liên Xô giúp ta nghiên cứu thực địa. Với tình cảm giữa hai dân tộc đã cùng chia ngọt, xẻ bùi sẵn sàng giúp đỡ to lớn về vật chất, tinh thần để góp phần cùng Việt Nam hoàn thành thắng lợi cuộc cách mạng dân tộc dân chủ, đánh đuổi giặc ngoại xâm. Nay bước vào thời kỳ xây dựng mới, tinh thần ấy, bạn vẫn giữ vững và hăng hái như xưa. Chính vì vậy bạn đã kịp thời cử một đoàn cán bộ khoa học từ đất nước của Lê-nin sang cùng với ta tiếp tục nghiên cứu khảo sát. Điều lý thú là trong thời gian các cán bộ khoa học của hai nước làm việc rất tận tình không quản nắng mưa. Mặc dầu bận rộn, các đồng chí Phạm Hùng, Võ Văn Kiệt, Nguyễn Văn Linh cùng một số đồng chí khác đã có mặt tại hiện trường để động viên, thăm hỏi và khích lệ làm cho ai nấy hết sức cảm động. Riêng bản thân, tôi càng thấy mình có trách nhiệm nặng nề hơn bất cứ lúc nào trước giai đoạn cách mạng mới. Qua những lần khảo sát, bạn với ta đều thống nhất là đủ yếu tố để xây dựng được. Nhưng bạn ấn định phải tới năm 1985 mới có thể khởi công.

Những thông tin ban đầu ấy làm cho các đồng chí lãnh đạo Đảng, chính quyền các tỉnh, thành phía Nam rất vui. Còn bản thân mình niềm vui tràn ngập xen lẫn thắc thỏm âu lo. Bởi vào thời điểm này thêm mỗi ngày, mỗi tháng đã thấy lâu. Còn kéo sang đến năm 1985 thì sự chờ đợi dài như lê thê vậy. Trong lúc đó ta còn thiếu điện hết sức bức bối. Nhân dịp ra Hà Nội công tác, tôi đến tiếp xúc với anh em Liên Xô, trình bày. Tôi nói rất chân tình, rằng :

– Thưa các bạn, nhân dân miền Nam chúng tôi đang rất cần nguồn điện. Điện là sự sống, là văn minh, là phát triển kinh tế, xã hội đưa cuộc sống đi lên... Vậy mà hiện tại chúng tôi còn thiếu điện gay gắt mà cũng chỉ biết dựa vào Chính phủ và nhân dân Liên Xô, đề nghị các đồng chí có thể tiến hành sớm hơn được chăng ? Thế rồi họ thấy mình hết sức chân thành và tôn trọng bạn. Sau đó ít lâu, bạn cử một đoàn cán bộ chuyên gia công trình sang giúp ta triển khai sớm hơn dự định. Đó là vào đầu quý 4 năm 1984, không phải năm 1985 như phương án ban đầu.

Khi sang ta, bạn có kèm theo bản thiết kế công trình thủy điện từ bên nước Nga với công suất 400 mêga oát, kết hợp với bản đồ án của chế độ Sài Gòn để lại, công suất 200 mêga oát nhằm bổ cứu cho nhau. Tuy nhiên, đội ngũ cán bộ khoa học mình cũng phải nghiên cứu thêm. Một điều đáng nói là khi công trình chuẩn bị triển khai thi công, có ý kiến cho rằng : tại khu vực chính và phụ của công trình ở dạng đất đá vôi, dễ bị rò rỉ, đập khó an toàn đến mức độ bền vững. Ý kiến này làm cho một số người không khỏi giật mình. Bởi vì, tính bền vững của toàn bộ công trình liên quan đến hàng chục vạn sinh mạng của nhân dân hạ lưu thuộc tỉnh Đồng Nai và một phần tỉnh Bình Dương cũng như thành phố Hồ Chí Minh. Chưa kể đến nhiều công trình kinh tế xã hội khác. Là người chỉ đạo trực

tiếp, ông không bỏ qua một chi tiết nào. Và ngay sau đó, ông cử sáu kỹ sư địa chất cùng một số thợ kỹ thuật đặt những mũi khoan bổ sung, lấy mẫu đất, đá để xét nghiệm phân chất đánh giá địa tầng đúng quy trình. Kết quả cho thấy : địa tầng đúng là có chất vôi nhưng cách đây hàng triệu năm đã phong hóa hết rồi. Nay độ kết dính khá cao, đủ yếu tố để xây dựng công trình. Thế là đã có đủ cơ sở khoa học, không còn phải phân vân gì nữa.

Nếu như trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tỉnh Biên Hòa (nay là tỉnh Đồng Nai) thay mặt cho nhân dân Nam Bộ thành đồng Tổ quốc tiêu diệt hai tên cố vấn quân sự Mỹ đầu tiên ở Nhà Xanh tại trung tâm thị xã Biên Hòa vào lúc 19 giờ ngày 07 tháng 7 năm 1959. Hai tên Mỹ ấy hiện đứng đầu trong danh sách 58.198 quân nhân Mỹ chết do dính lứu vào cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam thì trong sự nghiệp xây dựng và kiến thiết đất nước, quân và dân tỉnh Đồng Nai lại có vinh dự thay mặt cho các tỉnh, thành phố phía Nam xung kích vào khai phá lòng hồ công trình thủy điện Trị An.

Vào giữa năm 1984, khi Nhà nước mới có quyết định làm công trình lịch sử này, trong lúc chờ các đoàn chuyên gia Liên Xô và các nhà khoa học Việt Nam phối hợp khảo sát để có bản luận chứng kinh tế kỹ thuật toàn bộ công trình đồ sộ này. Và cả trước đó, ngay từ năm 1983, quân dân Đồng Nai, dưới sự lãnh đạo, điều hành của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh, hàng vạn lượt người đã vào cuộc, vào khai thác củi, gỗ tận dụng để dọn sạch với một diện tích trên 32.000 héc-ta lòng hồ. Nếu số ngày công bỏ ra ấy tính chi trả phải tốn trên một chục triệu đô la chớ đâu có nhỏ. Song qua hai năm miệt mài lao động công ích, Nhà nước không phải tốn phí khoản tiền đáng kể ấy mà hoàn toàn do các tầng lớp nhân dân và lực lượng vũ trang đóng góp ngày công.

Để thực hiện bài viết này, một số lần tôi có dịp gặp gỡ tiếp xúc để tìm hiểu vị lão tướng – Thứ trưởng kiêm Trưởng ban chỉ đạo, về nghệ thuật điều hành công trình thủy điện mang tầm thế kỷ này – sao mà tài tình đến thế ? Nghe xong, ông cười nói :

– Thì ở ngoài nhìn vào thấy khối lượng công việc nó đồ sộ như thế, không khéo dễ bị choáng ngợp. Nhưng người trong cuộc cứ bình tĩnh tự tin rồi sẽ tìm ra đối sách để tháo gỡ. Ông còn nói rõ:

– Cha ông mình từng dạy : “Có thực mới vực được đạo”. Trong đánh giặc, ngoài ý chí quyết tâm, tình yêu quê hương đất nước và lòng căm thù còn phải có súng đạn, vũ khí. Nói chuyện với kẻ thù không chỉ bằng lời mà bằng sức mạnh, dùng sức mạnh để đè bẹp cái ngạo mạn của chúng. Còn trong xây dựng, bạn thử xem cũng phải cần thực lực lắm chớ. Mà thực lực khi bắt tay xây dựng công trình thủy điện Trị An đang ở... muôn phương. Đúng vậy ! Lúc ấy trong tay mình còn một khoảng trống đáng sợ. Thế rồi, được phép của chính phủ ta, tôi trực tiếp gặp gỡ bạn Nga đồng ý cho ta vay 150 triệu USD nhưng chủ yếu bằng vật tư kỹ thuật. Yêu cầu bạn đáp ứng cái mình đang cần. Đó là nguồn thứ nhất. Nhưng chỉ dựa vào chừng ấy, chưa đủ. Nguồn thứ hai là khai thác tiềm lực trong dân.

Vào thời điểm 1984, đời sống cán bộ, bộ đội và nhân dân ta còn rất khó khăn, lương thực thực phẩm là vấn đề chiến lược. Suy nghĩ sao đây để có một khối lượng lương thực cực kỳ lớn để cung cấp cho hàng vạn lượt lao động ? Đây là một bài toán để tìm được lời giải và có đáp số chính xác không đơn giản chút nào. Qua nhiều đêm suy nghĩ, tôi

nhớ lại lời dạy giản dị nhưng vô cùng sâu sắc của Bác ngày nào : “Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong”. Lời dạy bảo ấy đã trở thành chân lý cho chúng ta vận dụng không phải trong đấu tranh gian khổ trước đây, mà trong xây dựng hòa bình cũng còn nguyên giá trị. Thế rồi tôi lên kế hoạch hết sức cụ thể, cùng với một số đồng chí trực tiếp đi vận động khắp 13 tỉnh miền Đông Nam Bộ, các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và thành phố Hồ Chí Minh để làm việc với lãnh đạo Đảng, chính quyền, đoàn thể. Đi tới đâu đều được sự đồng tình hưởng ứng rất cao. Họ còn cổ vũ tôi : Hội đồng Bộ trưởng đã có văn bản chỉ đạo, đây là công trình trọng điểm phía Nam thời kỳ công nghiệp hóa nước nhà, nên chúng tôi đã sẵn sàng. Thế là ý Đảng, lòng dân gặp nhau. Thật cảm kích, mặc dầu cuộc sống vừa thoát ra khỏi cuộc chiến tranh còn trăm bề thiếu thốn. Thế mà tin yêu Đảng, theo lời Đảng gọi, dân ủng hộ hết mình, với khẩu hiệu “Tất cả cho Trị An”; “Tất cả vì dòng điện sáng ngày mai của Tổ quốc thân yêu”. Và cũng từ đây tôi nghĩ ra như là một phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm” hoặc “ăn no, đánh mạnh” hay “chất lượng, chất lượng và chất lượng”... Thế là khi đã khơi dậy được lòng dân trên cơ sở tổ chức, lãnh đạo chặt chẽ của các địa phương, nguồn lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm thiết yếu khác dần dần được điều động phục vụ đắc lực cho đội ngũ cán bộ, công nhân trên công trình. Những ai đã từng có mặt vào thời điểm hết sức sôi động đó, mới thấy sức mạnh của nhân dân ta. Đúng là vui như ngày hội. Không hiểu sao công việc ngập đầu, phải làm việc tới 12 giờ/ngày kéo dài nhiều đợt như vậy mà tôi vẫn thấy khỏe như khi còn trai tráng. Thế mới hay chứ ! Ngay khoản lương thực, thực phẩm huy động trong dân và mua với giá chỉ đạo để phục vụ công trình từ ngày khởi công đến khi kết thúc tới 8 năm liên tục lên tới gần 50 tỷ đồng tiền Việt Nam. Chưa kể số lượng các địa phương tổ chức. Quá trình xây dựng, các thế lực thù địch và bọn phản động trong nước chưa chịu cái tạo nào có để cho ta yên, mà chúng rắp tâm phá hoại. Hai lần chúng ra tay, nhưng đều bại lộ do ta đề cao cảnh giác. Một lực lượng quân đội, công an, trinh sát, tình báo được bố trí chặt chẽ, vì vậy mọi mưu đồ của chúng đều bị ta chặn đứng. Thế mới thấy sản xuất gắn liền với bảo vệ vừa là phương châm trở thành nguyên tắc không thể coi thường trong bất cứ lúc nào.

Để có một công trình mang tầm thế kỷ, đánh thức vùng Chiến khu Đ rộng lớn như thủy điện Trị An, phải huy động tới ba chục triệu ca công, trong đó có tới hai mươi ngàn thợ làm 3 ca liên tục để điều khiển những cơ giới máy móc hiện đại, ngoan ngoãn phục vụ con người, thực hiện trong khoảng 8 năm từ 1983-1990, khi các tổ máy đã bắt đầu vận hành. Tổng chi phí đầu tư cho toàn bộ công trình lên đến 200 triệu USD.

Qua gần 12 năm công trình đi vào hoạt động, đã tạo ra một hiệu quả vô cùng to lớn cả về kinh tế, xã hội... cho hàng chục triệu con người. Đặc biệt, tăng sản lượng điện đáp ứng cho các khu công nghiệp ở các tỉnh thành phố miền Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long tăng thêm hấp dẫn mời gọi đầu tư nước ngoài vào làm ăn với ta, thu hút hàng triệu lao động có công ăn việc làm ổn định cuộc sống. Ánh điện đã về tới những bản làng hẻo lánh xa xôi, làm cho bộ mặt nông thôn vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc và căn cứ kháng chiến thay đổi rõ. Do giám sát chặt chẽ công trình, phát huy ý thức làm chủ của người lao động, hạn chế tối đa nạn lấy cắp vật tư nên đã tiết kiệm được một khoản tiền, hàng đáng kể. Dôi ra được 10 triệu USD và 3.000 tấn thép trả lại cho